

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N.º): ACB.26.007



Phương tiện đo: BỂ ĐIỀU NHIỆT/
Object TEMPERATURE CONTROLLED BATH

Kiểu: HH-4 **Nơi sản xuất:** Trung Quốc
Type Manufacturer China

Số hiệu: Không rõ **Mã quản lý:** Không rõ
Serial N.º N/A ID N/A

Đặc trưng kỹ thuật: * Nhiệt độ tối đa/ Max. Temperature: 100 °C
Specifications * Độ phân giải/ Resolution: 0,1 °C

Khách hàng: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
Customer XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Nơi thực hiện: Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Place Việt Nam

Phương pháp: DLMN/HC - ND01 : 2020 **Môi trường thực hiện:** (25 ± 2) °C
Method Environmental (40 ÷ 70) % RH

Chuẩn được sử dụng/ Standards used:

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
ND - 12	Multi-channel temperature recorder	VMI-Viện Đo Lường Việt Nam	10 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không/ No

Kết quả/ Results: Trang/ Page: 2 / 2

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label: S26 - 47578

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration: 14 / 03 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended: 14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.**GIÁM ĐỐC**
Director**PHẠM TẤN DŨNG****NGUYỄN PHÚ HOA**

Trang/ Page 1 / 2



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION

1. Độ chính xác/ Accuracy

Giá trị cài đặt <i>Set Value</i>	Giá trị chỉ thị <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn trung bình ⁽¹⁾ <i>Reference Value</i>	Số hiệu chỉnh ⁽²⁾ <i>Correction</i>	Độ KĐBĐ mở rộng <i>Expanded uncertainty</i> k = 2; P = 95 %
(°C)	(°C)	(°C)	(°C)	(°C)
80,0	80,0	80,74	0,74	0,51
99,9	99,0	99,85	0,85	0,68

2. Đặc trưng hoạt động/ Performance

Giá trị chỉ thị <i>Indication Value</i>	Độ ổn định ⁽³⁾ <i>Stability</i>	Độ đồng đều ⁽⁴⁾ <i>Uniformity</i>	Biến động nhiệt độ tổng thể ⁽⁵⁾ <i>Overall variation</i>
(°C)	(°C)	(°C)	(°C)
80,0	0,14	0,33	0,68
99,0	0,16	0,59	1,25

Ghi chú/ Notes:

- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng

The value is calibrated as the customer's requirement

- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn

The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions

- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %

⁽¹⁾ Giá trị trung bình chuẩn của 5 vị trí đo, 6 lần đo cách nhau 5 phút

The average of 5 positions measured temperature, 6 records in 5 minute intervals

⁽²⁾ Hiệu giữa nhiệt độ trung bình đo được và nhiệt độ chỉ thị

Difference of average temperature and indication

⁽³⁾ Một phần hai chênh lệch lớn nhất giữa các nhiệt độ đo được tại các thời điểm khác nhau trong cùng một vị trí

One - half the greatest maximum difference of measured temperature at difference time of recording the same position

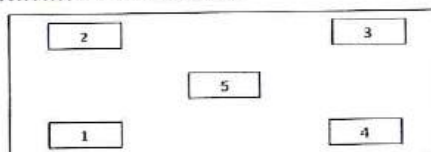
⁽⁴⁾ Một phần hai chênh lệch lớn nhất giữa các nhiệt độ đo được tại các vị trí khác nhau trong cùng thời điểm

One - half the greatest maximum difference of measured temperature at difference positions at the same time of recording

⁽⁵⁾ Chênh lệch lớn nhất giữa các nhiệt độ đo được tại tất cả các vị trí và tất cả các thời điểm

The difference of the maximum and the minimum measured temperature throughout observation time

3. Sơ đồ các vị trí/ Sensor Installation Locations



- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N.º): ACB.26.008

**Phương tiện đo:** QUANG KẾ NGỌN LỬA/
Object FLAME PHOTOMETER**Kiểu:** PFP7
*Type***Nơi sản xuất:** JENWAY
*Manufacturer***Số hiệu:** 63870
*Serial N.º***Mã quản lý:** Không rõ
ID N/A**Đặc trưng kỹ thuật:** * K⁺ - Phạm vi đo/ *Measuring range:* (0 ÷ 199,9) mg/L
Specifications - Giới hạn phát hiện/ *Limits of detection:* 0,2 mg/L
* Na⁺ - Phạm vi đo/ *Measuring range:* (0 ÷ 199,9) mg/L
- Giới hạn phát hiện/ *Limits of detection:* 0,2 mg/L**Khách hàng:** LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
Customer XÂY DỰNG SÀI GÒNSố 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam**Nơi thực hiện:** Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Place Việt Nam**Phương pháp:** DLMN/HC - HL12 : 2020 **Môi trường thực hiện:** (25 ± 2) °C
Method *Environmental* (40 ÷ 70) % RH**Chuẩn được sử dụng/ Standards used:**

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
HL-12/1	Sodium standard solution	NIST	05 / 2027
HL-12/2	Potassium standard solution	NIST	03 / 2027

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment:

Không/ No

Kết quả/ Results:

Trang/ Page: 2 / 4 & 3 / 4 & 4 / 4

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label:

S26 - 47579

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration:

14 / 03 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended:

14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
*Head of Measurement Lab.***GIÁM ĐỐC**
Director**PHẠM TẤN DŨNG****NGUYỄN PHÚ HOA**

Trang/ Page 1 / 4

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION



1. Kiểm tra độ tuyến tính/ Linearity

Dung dịch chuẩn Na⁺ có nồng độ: (0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8 ; 10) mg/L

Nồng độ Concentration (mg/L)	0	2	4	6	8	10
Giá trị chỉ thị Indication Value (mg/L)	0,00	2,03	4,02	6,03	7,95	9,93
Đường chuẩn Equation	$y = 1,0083x - 0,0347$					
Hệ số tuyến tính Correlation factor	0,9999					
Độ KĐBĐ mở rộng U / Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%), (mg/L) = 0,21						

* Dung dịch chuẩn K⁺ có nồng độ: (0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8 ; 10) mg/L

Nồng độ Concentration (mg/L)	0	2	4	6	8	10
Giá trị chỉ thị Indication Value (mg/L)	0,00	2,04	4,02	6,02	8,03	9,94
Đường chuẩn Equation	$y = 1,0047x - 0,0317$					
Hệ số tuyến tính Correlation factor	0,9999					
Độ KĐBĐ mở rộng U / Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%), (mg/L) = 0,19						

2. Kiểm tra độ chính xác & độ lặp lại/ Accuracy & Repeatability

* Na⁺/ Sodium

Giá trị chuẩn Reference Value (mg/L)	Giá trị chỉ thị Indication Value (mg/L)	Giá trị trung bình Average Value (mg/L)	Sai số Error (mg/L)
4	4,03	4,00	0,00
	4,01		
	3,97		
	3,95		
	3,99		
	4,02		
Độ lệch chuẩn Standard deviation (mg/L)	0,031	Độ KĐBĐ mở rộng U Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%) (mg/L)	0,22

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION


Giá trị chuẩn Reference Value (mg/L)	Giá trị chỉ thị Indication Value (mg/L)	Giá trị trung bình Average Value (mg/L)	Sai số Error (mg/L)
8	7,94	7,98	-0,02
	7,99		
	7,95		
	7,93		
	8,02		
	8,04		
Độ lệch chuẩn Standard deviation (mg/L)	0,045	Độ KĐBĐ mở rộng U Expanded uncertainty (k = 2; P = 95 %) (mg/L)	0,25

 * K⁺/ Potassium

Giá trị chuẩn Reference Value (mg/L)	Giá trị chỉ thị Indication Value (mg/L)	Giá trị trung bình Average Value (mg/L)	Sai số Error (mg/L)
4	4,06	4,05	0,05
	4,02		
	4,03		
	4,01		
	4,06		
	4,09		
Độ lệch chuẩn Standard deviation (mg/L)	0,030	Độ KĐBĐ mở rộng U Expanded uncertainty (k = 2; P = 95 %) (mg/L)	0,23

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CERTIFICATE OF CALIBRATION



Giá trị chuẩn Reference Value (mg/L)	Giá trị chỉ thị Indication Value (mg/L)	Giá trị trung bình Average Value (mg/L)	Sai số Error (mg/L)
8	7,91	7,96	-0,04
	7,98		
	7,92		
	7,96		
	7,95		
	8,03		
Độ lệch chuẩn Standard deviation (mg/L)	0,044	Độ KĐBĐ mở rộng U Expanded uncertainty (k = 2; P = 95 %) (mg/L)	0,25

Ghi chú/ Notes:

- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng

The value is calibrated as the customer's requirement

- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn

The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.

- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N^o): ACB.26.009



Phương tiện đo:
Object

PIPET MỘT MỨC
SINGLE - VOLUME PIPETTES

Kiểu:
Type

Ex + 5s 20 °C

Nơi sản xuất:
Manufacturer

WERTLAB

Số hiệu:
Serial N^o

Không rõ
N/A

Mã quản lý:
ID

Không rõ
N/A

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications

* Dung tích danh định/ Nominal capacity: 1 mL
* Cấp chính xác/ Class: AS

Khách hàng:
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Nơi thực hiện:
Place

Phòng Đo lường hiệu chuẩn
354 Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp:
Method

DLMN/HC - DT02 : 2024

Môi trường thực hiện: (25 ± 2) °C
Environmental (40 ÷ 70) % RH

Chuẩn được sử dụng/ Standards used:

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
KL - 24	Cân phân tích/ Analytical balance	SMETEST (ĐK76)	07 / 2026
KL - 01	Bộ quả cân E2/ Weight set, class:E2	Viện Đo Lường Việt Nam	12 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment:

Không/ No

Kết quả/ Results:

Trang/ Page: 2 / 2

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label:

S26 - 47571

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration:

14 / 03 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended:

14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

PHẠM TẤN DŨNG


GIÁM ĐỐC
Director



NGUYỄN PHÚ HOA

Trang/ Page 1 / 2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

 Giá trị danh định <i>Nominal value</i>	Giá trị thực <i>Real value</i>	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty</i> k = 2; P = 95 % (mL)
(mL)	(mL)	(mL)	(mL)
1	1,006	0,006	0,005

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả hiệu chuẩn được quy về giá trị ở 20 °C
The results of the calibration are referred to values 20 °C
- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng
The value is calibrated as the customer's requirement
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn
The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy
The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.
- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N.º): ACB.26.010



Phương tiện đo:
Object

PIPET MỘT MỨC
SINGLE - VOLUME PIPETTES

Kiểu:
Type

Ex + 5s 20 °C

Nơi sản xuất:
Manufacturer

WERTLAB

Số hiệu:
Serial N.º

Không rõ
N/A

Mã quản lý:
ID

Không rõ
N/A

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications

* Dung tích danh định/ Nominal capacity: 2 mL
* Cấp chính xác/ Class: AS

Khách hàng:
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Nơi thực hiện:
Place

Phòng Đo lường hiệu chuẩn
354 Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp:
Method

DLMN/HC - DT02 : 2024

Môi trường thực hiện: (25 ± 2) °C

Environmental

(40 ÷ 70) % RH

Chuẩn được sử dụng/ Standards used:

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
KL - 24	Cân phân tích/ Analytical balance	SMETEST (ĐK 76)	07 / 2026
KL - 01	Bộ quả cân E2/ Weight set, class:E2	Viện Đo Lường Việt Nam	12 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment:

Không/ No

Kết quả/ Results:

Trang/ Page: 2 / 2

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label:

S26 - 47572

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration:

14 / 03 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended:

14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

PHẠM TẤN DŨNG


GIÁM ĐỐC
Director



NGUYỄN PHÚ HOA

Trang/ Page 1 / 2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

 Giá trị danh định <i>Nominal value</i> (mL)	Giá trị thực <i>Real value</i> (mL)	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i> (mL)	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty</i> k = 2; P = 95 % (mL)
2	2,007	0,007	0,01

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả hiệu chuẩn được quy về giá trị ở 20 °C
The results of the calibration are referred to values 20 °C
- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng
The value is calibrated as the customer's requirement
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn
The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy
The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.
- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATIONSố/ (N^o): ACB.26.011**Phương tiện đo:**
Object**PIPET MỘT MỨC**
SINGLE - VOLUME PIPETTES**Kiểu:**
Type

Ex + 5s 20 °C

Nơi sản xuất:
Manufacturer

WERTLAB

Số hiệu:
Serial N^oKhông rõ
N/A**Mã quản lý:**
IDKhông rõ
N/A**Đặc trưng kỹ thuật:**
Specifications* Dung tích danh định/ Nominal capacity: 5 mL
* Cấp chính xác/ Class: AS**Khách hàng:**
Customer**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
XÂY DỰNG SÀI GÒNSố 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam**Nơi thực hiện:**
PlacePhòng Đo lường hiệu chuẩn
354 Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Phương pháp:**
Method

DLMN/HC - DT02 : 2024

Môi trường thực hiện: (25 ± 2) °C
Environmental (40 ÷ 70) % RH**Chuẩn được sử dụng/ Standards used:**

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
KL - 24	Cân phân tích/ Analytical balance	SMETEST (ĐK76)	07 / 2026
KL - 01	Bộ quả cân E2/ Weight set, class:E2	Viện Đo Lường Việt Nam	12 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment:

Không/ No

Kết quả/ Results:

Trang/ Page: 2 / 2

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label:

S26 - 47573

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration:

14 / 03 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended:

14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.**PHẠM TÂN DŨNG****GIÁM ĐỐC**
Director**NGUYỄN PHÚ HOA**

Trang/ Page 1 / 2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Giá trị danh định <i>Nominal value</i>	Giá trị thực <i>Real value</i>	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty</i> k = 2; P = 95 % (mL)
(mL)	(mL)	(mL)	(mL)
5	5,012	0,012	0,01

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả hiệu chuẩn được quy về giá trị ở 20 °C
The results of the calibration are referred to values 20 °C
- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng
The value is calibrated as the customer's requirement
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn
The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy
The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.
- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N^o): ACB.26.012



Phương tiện đo: **PIPET CHIA ĐỘ**
Object: **GRADUATED PIPETTES**

Kiểu: Ex 20 °C Nơi sản xuất: IWAKI
Type: Manufacturer

Số hiệu: Không rõ Mã quản lý: Không rõ
Serial N^o: N/A ID: N/A

Đặc trưng kỹ thuật: * Dung tích danh định/ Nominal capacity: 10 mL
Specifications: * Giá trị vạch chia/ Division: 0,1 mL
* Cấp chính xác/ Class: A

Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer: **XÂY DỰNG SÀI GÒN**
Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nơi thực hiện: Phòng Đo lường hiệu chuẩn
Place: 354 Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp: ĐLMN/HC - DT02 : 2024 Môi trường thực hiện: (25 ± 2) °C
Method: Environmental (40 ÷ 70) % RH

Chuẩn được sử dụng/ Standards used:

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
KL - 24	Cân phân tích/ Analytical balance	SMETEST (ĐK 76)	07 / 2026
KL - 01	Bộ quả cân E2/ Weight set, class:E2	Viện Đo Lường Việt Nam	12 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không/ No

Kết quả/ Results: Trang/ Page: 2 / 2

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label: S26 - 47574

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration: 14 / 03 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended: 14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

PHẠM TẤN DŨNG

GIÁM ĐỐC
Director



NGUYỄN PHÚ HOA

Trang/ Page 1 / 2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION



Giá trị danh định Nominal value	Giá trị thực Real value	Số hiệu chỉnh Correction	Độ không đảm bảo đo mở rộng Expanded uncertainty k = 2; P = 95 % (mL)
(mL)	(mL)	(mL)	(mL)
1	1,041	0,041	0,01
5	5,036	0,036	0,03
10	10,038	0,038	0,03

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả hiệu chuẩn được quy về giá trị ở 20 °C

The results of the calibration are referred to values 20 °C

- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng

The value is calibrated as the customer's requirement

- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn

The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.

- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N^o): ACB.26.013



Phương tiện đo: **BURET**
Object: **BURETTES**

Kiểu: **Ex 20 °C**
Type: **Ex 20 °C**

Nơi sản xuất: **GENLAB**
Manufacturer: **GENLAB**

Số hiệu: **Không rõ**
Serial N^o: **N/A**

Mã quản lý: **Không rõ**
ID: **N/A**

Đặc trưng kỹ thuật: * Dung tích danh định/ *Nominal capacity*: 10 mL
Specifications * Giá trị vạch chia/ *Division*: 0,05 mL
* Cấp chính xác/ *Class*: A

Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**
Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nơi thực hiện: Phòng Đo lường hiệu chuẩn
Place 354 Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp: **ĐLMN/HC - DT02 : 2024** *Method* **Môi trường thực hiện: (25 ± 2) °C**
Environmental **(40 ÷ 70) % RH**

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used*:

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
KL - 24	Cân phân tích/ <i>Analytical balance</i>	SMETEST (ĐK 76)	07 / 2026
KL - 01	Bộ quả cân E2/ <i>Weight set, class:E2</i>	Viện Đo Lường Việt Nam	12 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment*: **Không/ No**

Kết quả/ *Results*: **Trang/ Page: 2 / 2**

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label*: **S26 - 47575**

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration*: **14 / 03 / 2026**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ *Recal. recommended*: **14 / 03 / 2027**

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

GIÁM ĐỐC
Director

PHẠM TẤN DŨNG



NGUYỄN PHÚ HOA

Trang/ Page 1 / 2

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Giá trị danh định <i>Nominal value</i>	Giá trị thực <i>Real value</i>	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty</i> k = 2; P = 95 % (mL)
(mL)	(mL)	(mL)	
1	1,023	0,023	0,01
5	5,025	0,025	0,01
10	10,022	0,022	0,01

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả hiệu chuẩn được quy về giá trị ở 20 °C
The results of the calibration are referred to values 20 °C
- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng
The value is calibrated as the customer's requirement
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn
The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy
The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.
- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N^o): ACB.26.014



Phương tiện đo: BURET

Object

BURETTES

Kiểu: Ex + 30 s 20 °C

Type

Nơi sản xuất: WERTLAB

Manufacturer

Số hiệu: Không rõ

Serial N^o

N/A

Mã quản lý: Không rõ

ID

N/A

Đặc trưng kỹ thuật: * Dung tích danh định/ Nominal capacity: 25 mL

Specifications

* Giá trị vạch chia/ Division: 0,1 mL

* Cấp chính xác/ Class: AS

Khách hàng: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG

Customer

XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nơi thực hiện: Phòng Đo lường hiệu chuẩn

Place

354 Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp: ĐLMN/HC - DT02 : 2024

Method

Môi trường thực hiện: (25 ± 2) °C

Environmental

(40 ÷ 70) % RH

Chuẩn được sử dụng/ Standards used:

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
KL - 24	Cân phân tích/ Analytical balance	SMETEST (ĐK76)	07 / 2026
KL - 01	Bộ quả cân E2/ Weight set, class:E2	Viện Đo Lường Việt Nam	12 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không/ No

Kết quả/ Results: Trang/ Page: 2 / 2

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label: S26 - 47576

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration: 14 / 03 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended: 14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

PHẠM TẤN DŨNG

GIÁM ĐỐC
Director



NGUYỄN PHÚ HOA

Trang/ Page 1 / 2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION

Giá trị danh định <i>Nominal value</i>	Giá trị thực <i>Real value</i>	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty</i> k = 2; P = 95 % (mL)
(mL)	(mL)	(mL)	(mL)
5	5,043	0,043	0,01
15	15,040	0,040	0,06
25	25,045	0,045	0,06

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả hiệu chuẩn được quy về giá trị ở 20 °C
The results of the calibration are referred to values 20 °C
- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng
The value is calibrated as the customer's requirement
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn
The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy
The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.
- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N.º): ACB.26.015

**Phương tiện đo:**
Object**TỶ TRỌNG KẾ**
HYDROMETER**Kiểu:**
Type

H801804

Nơi sản xuất:
Manufacturer

AMARELL

Số hiệu:
Serial N.ºKhông rõ
N/A**Mã quản lý:**
IDKhông rõ
N/A**Đặc trưng kỹ thuật:**
Specifications*** Phạm vi đo/ Measuring range:** (1,000 ÷ 2,000) g/cm³
*** Giá trị độ chia/ Division:** 0,01 g/cm³**Khách hàng:**
Customer**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
XÂY DỰNG SÀI GÒNSố 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam**Nơi thực hiện:**
PlacePhòng Đo lường hiệu chuẩn
354 Trường Chinh, phường Đồng Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**Phương pháp:**
Method

ĐLMN/HC - HL16 : 2020

Môi trường thực hiện: (20 ± 2) °C
Environmental (40 ÷ 80) % RH**Chuẩn được sử dụng/ Standards used:**

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
HL-16	Hydrometer standard	Kim Long (ĐK 221)	10/ 2026
NĐ-06	Bể ổn nhiệt/ Water bath	Qatest 3 (ĐK 03)	05/ 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment:

Không/ No

Kết quả/ Results:

Trang/ Page: 2/ 2

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label:

S26 - 47577

Ngày hiệu chuẩn/ Calibration date:

14 / 03 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended:

14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.**PHẠM TẤN DŨNG****GIÁM ĐỐC**
Director**NGUYỄN PHÚ HOA**

Trang/ Page: 1 / 2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION

Giá trị chuẩn Reference Value (g/cm ³)	Giá trị chỉ thị Indication Value (g/cm ³)	Sai số Error (g/cm ³)	Độ không đảm bảo đo mở rộng Expanded uncertainty k = 2; P = 95 % (g/cm ³)
1,0438	1,05	0,0062	0,015
1,0982	1,11	0,0118	0,015
1,1374	1,15	0,0126	0,015
1,1896	1,20	0,0104	0,015

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả hiệu chuẩn ở nhiệt độ 20 °C
Calibration results at temperature of 20 °C.
- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng
The value is calibrated as the customer's requirement.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn
The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy
The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.
- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

---Hết/ End---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N^o): ACB.26.016



Phương tiện đo: CÂN PHÂN TÍCH
Object ANALYTICAL BALANCE

Kiểu: PA214 **Nơi sản xuất:** OHAUS
Type Manufacturer

Số hiệu: B627703305 **Mã quản lý:** Không rõ
Serial N^o ID N/A

Đặc trưng kỹ thuật: * Mức cân lớn nhất/ *Max. capacity:* 210 g
Specifications * Mức cân nhỏ nhất/ *Min. capacity:* 0,01 g
* Giá trị vạch chia nhỏ nhất/ *Division:* 0,0001 g
* Cấp chính xác/ *Accuracy class:* 1

Khách hàng: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
Customer XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Nơi thực hiện: Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây,
Place TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương pháp: ĐLMN/HC - KL01 : 2024 **Môi trường thực hiện:** (23 ÷ 27) °C
Method Environmental (30 ÷ 80) % RH

Chuẩn được sử dụng/ Standards used:

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
KL - 01	Bộ quả cân E2 <i>Weight set class : E2</i>	VMI - Viện Đo Lường Việt Nam	12 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không/ No

Kết quả/ Results: Trang/ Page: 2/ 2

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label: S26 - 47566

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration: 14 / 03 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended: 14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

GIÁM ĐỐC
Director

PHẠM TÂN DŨNG

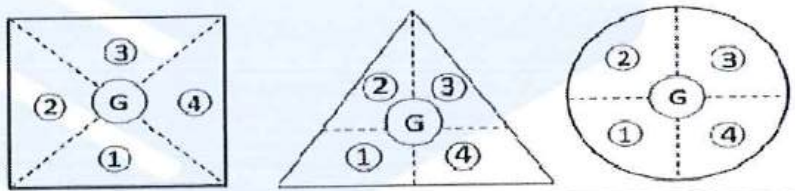


NGUYỄN PHÚ HOA

Trang/ Page 1/ 2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CERTIFICATE OF CALIBRATION



1/ Hiệu chuẩn/ Calibration					
Mức cân/ Load	Chỉ thị trên cân/ Indication	Số hiệu chính/ Correction	Độ không đảm bảo đo mở rộng/ Expanded uncertainty $k = 2; P = 95 \%$		
(g)	(g)	(g)	(mg)		
0	0,0000	0,0000	0,17		
1	1,0000	0,0000	0,17		
2	1,9999	0,0001	0,19		
5	4,9999	0,0001	0,21		
10	9,9999	0,0001	0,24		
20	20,0000	0,0000	0,26		
50	49,9999	0,0001	0,29		
100	100,0000	0,0000	0,42		
150	149,9999	0,0001	0,45		
200	200,0003	-0,0003	0,47		
2/ Độ lặp lại/ Repeatability					
Mức cân/ Load (g)		Độ lệch chuẩn/ Standard deviation (mg)			
100		0,19			
200		0,12			
3/ Độ lệch tâm/ Eccentricity					
Tải/ Load (g)	70				
Vị trí/ Load position	G	1	2	3	4
Sai lệch/ Difference (g)	0,0000	0,0002	0,0002	-0,0004	0,0000
Sơ đồ/ Sketch					

Ghi chú/ Notes:

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.

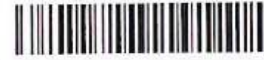
- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N.º): ACB.26.017

**Phương tiện đo:** **CÂN PHÂN TÍCH**
Object *ANALYTICAL BALANCE***Kiểu:** AB-FPA214
*Type***Nơi sản xuất:** F & H
*Manufacturer***Số hiệu:** 180546
*Serial N.º***Mã quản lý:** Không rõ
ID *N/A***Đặc trưng kỹ thuật:** * Mức cân lớn nhất/ *Max. capacity:* 210 g
Specifications * Mức cân nhỏ nhất/ *Min. capacity:* 0,01 g
* Giá trị vạch chia nhỏ nhất/ *Division:* 0,0001 g
* Cấp chính xác/ *Accuracy class:* 1**Khách hàng:** **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**
Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam**Nơi thực hiện:** Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Place Việt Nam**Phương pháp:** DLMN/HC - KL01 : 2024 **Môi trường thực hiện:** (23 ÷ 27) °C
Method *Environmental* (30 ÷ 80) % RH**Chuẩn được sử dụng/ Standards used:**

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
KL - 01	Bộ quả cân E2 <i>Weight set class : E2</i>	VMI - Viện Đo Lường Việt Nam	12 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không/ No**Kết quả/ Results:** Trang/ Page: 2 / 2**Tem hiệu chuẩn/ Calibration label:** S26 - 47567**Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration:** 14 / 03 / 2026**Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended:** 14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.**PHẠM TÂN DŨNG****GIÁM ĐỐC**
Director**NGUYỄN PHÚ HOA**

Trang/ Page 1 / 2



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION

1/ Hiệu chuẩn/ Calibration					
Mức cân <i>Load</i>	Chỉ thị trên cân <i>Indication</i>	Số hiệu chỉnh <i>Correction</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty</i> $k = 2; P = 95 \%$		
(g)	(g)	(g)	(mg)		
0	0,0000	0,0000	0,19		
1	1,0000	0,0000	0,19		
2	2,0000	0,0000	0,19		
5	4,9999	0,0001	0,23		
10	9,9998	0,0002	0,25		
20	19,9998	0,0002	0,27		
50	49,9999	0,0001	0,29		
100	99,9995	0,0005	0,44		
150	149,9995	0,0005	0,47		
200	199,9995	0,0005	0,49		
2/ Độ lặp lại/ Repeatability					
Mức cân/ Load (g)			Độ lệch chuẩn/ Standard deviation (mg)		
100			0,12		
200			0,32		
3/ Độ lệch tâm/ Eccentricity					
Tải/ Load (g)	70				
Vị trí/ Load position	G	1	2	3	4
Sai lệch/ Difference (g)	0,0001	0,0004	0,0005	0,0005	0,0002
Sơ đồ/ Sketch					

Ghi chú/ Notes:

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.

- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số / N^o: ACB.26.018



Phương tiện đo: **MÁY QUANG PHỔ KHẢ KIẾN**
Object: **VISIBLE SPECTROPHOTOMETER**

Kiểu: 6300 Nơi sản xuất: JENWAY
Type: Manufacturer

Số hiệu: 57955 Mã quản lý: Không rõ
Serial N^o: ID: N/A

Đặc trưng kỹ thuật: * Bước sóng/ Wavelength - Phạm vi đo/ Range: (320 ÷ 1 000) nm
* Độ hấp thụ/ Absorbance - Độ phân giải/ Resolution: 1 nm
- Phạm vi đo/ Range: (-3 ÷ 2) Abs
- Độ phân giải/ Resolution: 0,001 Abs

Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer: **XÂY DỰNG SÀI GÒN**
Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Nơi thực hiện: Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Place: Việt Nam

Phương pháp: DLMN/HC - QH02 : 2024 Môi trường thực hiện: (23 ± 2) °C
Method: Environmental (40 ÷ 80) % RH

Chuẩn được sử dụng/ Standards used:

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
QH - 02	Set filter - Hellma	VMI - Viện Đo Lường Việt Nam	06 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không / No

Kết quả/ Results: Trang/ Page: 2 / 3 & 3 / 3

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label: S26 - 47568

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration: 14 / 03 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended: 14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

PHẠM TẤN DŨNG

GIÁM ĐỐC
Director



NGUYỄN PHÚ HOA

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION


Bước sóng/ Wavelength

STT No	Giá trị chuẩn Reference value (nm)	Giá trị chỉ thị Indication value (nm)	Sai số Error (nm)	Độ không đảm bảo đo mở rộng Expanded uncertainty k = 2; P = 95 % (nm)
1	328,63	327	-1,63	0,61
2	360,96	362	1,04	
3	453,47	455	1,53	
4	472,00	473	1,00	
5	512,40	513	0,60	
6	536,58	537	0,42	
7	637,61	638	0,39	
8	681,10	682	0,90	
9	875,56	876	0,44	

2. Độ hấp thụ/ Absorbance

Bước sóng Wavelength (nm)	Giá trị chuẩn Reference value (Abs)	Giá trị chỉ thị Indication value (Abs)	Sai số Error (Abs)	Độ không đảm bảo đo mở rộng Expanded uncertainty k = 2; P = 95 % (Abs)
440	0,0383	0,036	-0,0023	0,0008
	0,2678	0,266	-0,0018	0,0019
	0,5207	0,517	-0,0037	0,0030
	1,0545	1,052	-0,0025	0,0067
465	0,0379	0,035	-0,0029	0,0008
	0,2403	0,241	0,0007	0,0019
	0,4781	0,479	0,0009	0,0030
	0,9806	0,987	0,0064	0,0067
546	0,0371	0,034	-0,0031	0,0008
	0,2500	0,248	-0,0020	0,0019
	0,4936	0,492	-0,0016	0,0030
	1,0013	1,002	0,0007	0,0067
590	0,0369	0,035	-0,0019	0,0008
	0,2866	0,282	-0,0046	0,0019
	0,5521	0,545	-0,0071	0,0030
	1,0756	1,069	-0,0066	0,0067

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION



Bước sóng Wavelength (nm)	Giá trị chuẩn Reference value (Abs)	Giá trị chỉ thị Indication value (Abs)	Sai số Error (Abs)	Độ không đảm bảo đo mở rộng Expanded uncertainty k = 2; P = 95 % (Abs)
635	0,0367	0,034	-0,0027	0,0008
	0,2865	0,283	-0,0035	0,0019
	0,5469	0,540	-0,0069	0,0030
	1,0415	1,037	-0,0045	0,0067
	1,9333	1,937	0,0037	0,012
750	0,0361	0,035	-0,0011	0,0008
	0,2312	0,235	0,0038	0,0019
	0,4422	0,441	-0,0012	0,0030
	0,7947	0,795	0,0003	0,0067
	1,3208	1,328	0,0072	0,0067
800	0,0358	0,035	-0,0008	0,0008
	0,2650	0,268	0,0030	0,0019
	0,4965	0,493	-0,0035	0,0030
	0,8451	0,842	-0,0031	0,0067
	1,2786	1,280	0,0014	0,0067
880	0,0366	0,035	-0,0016	0,0008
	0,3193	0,324	0,0047	0,0019
	0,5850	0,586	0,0010	0,0030
	0,9467	0,950	0,0033	0,0067
	1,2876	1,294	0,0064	0,0067

Ghi chú/ Notes:

- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng

The value is calibrated as the customer's requirement

- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn

The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions

- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

--- HẾT/ END ---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N.º) : ACB.26.019

**Phương tiện đo:**

Object

TỦ SẤY/

DRY OVEN

Kiểu:

Type

GZX-9030 MBE

Nơi sản xuất:

Manufacturer

Trung Quốc

Số hiệu:

Serial N.º

3150234

Mã quản lý:

ID

Không rõ

N/A

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications

* Phạm vi nhiệt độ/ Temperature range:

Nhiệt độ môi trường/ Ambient + 5 °C đến/ to 200 °C

* Độ phân giải/ Resolution: 1 °C

Khách hàng:

Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒNSố 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam**Nơi thực hiện:**

Place

Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam**Phương pháp:**

Method

DLMN/HC - NĐ03: 2020

Môi trường thực hiện: (23 ÷ 27) °C

Environmental

(40 ÷ 70) % RH

Chuẩn được sử dụng/ Standards used:

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
NĐ - 11	Multi-channel temperature recorder	SMETEST (ĐK76)	05 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment:**Kết quả/ Results:****Tem hiệu chuẩn/ Calibration label:****Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration:****Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended:**

Không/ No

Trang/ Page: 2 / 3 & 3 / 3

S26 - 47569

14 / 03 / 2026

14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Lab.

GIÁM ĐỐC

Director

**PHẠM TẤN DŨNG****NGUYỄN PHÚ HOA**

Trang/ Page 1 / 3

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

1. Độ chính xác / Accuracy

Giá trị cài đặt Set Value (°C)	Giá trị chỉ thị Indication Value (°C)	Giá trị chuẩn trung bình ⁽¹⁾ Reference Value (°C)	Số hiệu chỉnh ⁽²⁾ Correction (°C)	Độ KĐBĐ mở rộng Expanded uncertainty k = 2; P = 95 % (°C)
105	105	104,4	-0,6	1,4
150	150	150,9	0,9	1,4

2. Đặc trưng hoạt động / Performance

Giá trị chỉ thị Indication Value (°C)	Độ ổn định ⁽³⁾ Stability (°C)	Độ đồng đều ⁽⁴⁾ Uniformity (°C)	Biến động nhiệt độ tổng thể ⁽⁵⁾ Overall variation (°C)
105	0,9	1,1	2,3
150	0,7	1,2	2,5

Ghi chú/ Notes:

- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng

The value is calibrated as the customer's requirement

- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn

The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.

- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities.

Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

⁽¹⁾Giá trị trung bình chuẩn của 9 vị trí đo, 6 lần đo cách nhau 5 phút

The average of 9 positions measured temperature, 6 records in 5 minute intervals

⁽²⁾Hiệu giữa nhiệt độ trung bình đo được và nhiệt độ chỉ thị

Difference of average temperature and indication

⁽³⁾Một phần hai chênh lệch lớn nhất giữa các nhiệt độ đo được tại các thời điểm khác nhau trong cùng một vị trí

One - half the greatest maximum difference of measured temperature at difference time of recording the same position

⁽⁴⁾Một phần hai chênh lệch lớn nhất giữa các nhiệt độ đo được tại các vị trí khác nhau trong cùng thời điểm

One - half the greatest maximum difference of measured temperature at difference positions at the same time of recording

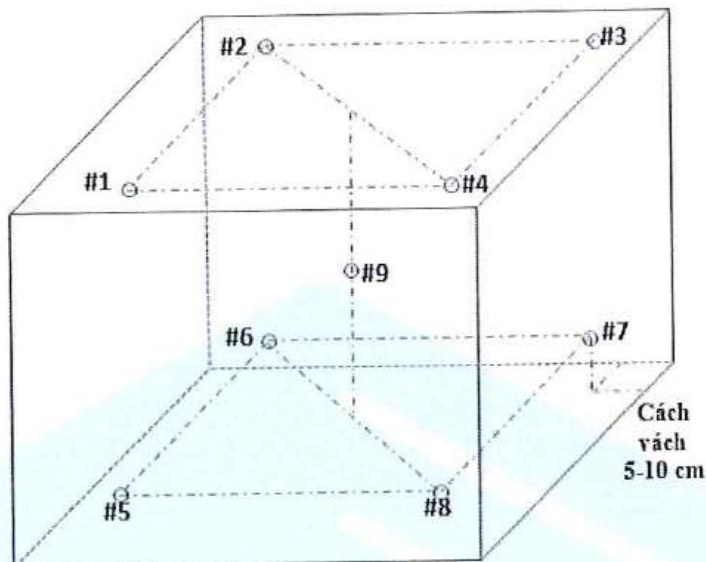
⁽⁵⁾Chênh lệch lớn nhất giữa các nhiệt độ đo được tại tất cả các vị trí và tất cả các thời điểm

The difference of the maximum and the minimum measured temperature throughout observation time



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Sơ đồ các vị trí/ Sensor Installation Locations



- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N.º): ACB.26.020



Phương tiện đo: **MÁY ĐO pH**
Object: **pH METER**

Kiểu: **HI2210**
Type: **HI2210**

Nơi sản xuất: **HANNA**
Manufacturer: **HANNA**

Số hiệu: **08557222**
Serial N.º: **08557222**

Mã quản lý: **Không rõ**
ID: **N/A**

Đặc trưng kỹ thuật: * Thang đo/ Range: (0 ÷ 14) pH
Specifications: * Độ phân giải/ Resolution: 0,01 pH
* Điện cực/ Electrodes: - Kiểu/ Type: HI1131
- Số hiệu/ Serial N.º : 093019EN

Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer: **XÂY DỰNG SÀI GÒN**
Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nơi thực hiện: **Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,**
Place: **Việt Nam**

Phương pháp: **ĐLMN/HC - HL04 : 2024** Môi trường thực hiện: **(25 ± 5) °C**
Method: **ĐLMN/HC - HL04 : 2024** Environmental: **(40 ÷ 80) % RH**

Chuẩn được sử dụng/ Standards used:

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
HL - 04	pH standard solution	NIST	11 / 2026
NĐ - 07	Bể ổn nhiệt/ Water bath	SMETEST (ĐK 76)	05 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: **Không/ No**

Kết quả/ Results: **Trang/ Page: 2 / 2**

Tem hiệu chuẩn/ Calibration label: **S26 - 47570**

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration: **14 / 03 / 2026**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended: **14 / 03 / 2027**

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.


PHẠM TÂN DŨNG

GIÁM ĐỐC
Director



NGUYỄN PHÚ HOA

Trang/ Page 1 / 2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Giá trị chuẩn Reference Value	Giá trị chỉ thị Indication Value	Sai số Error	Độ không đảm bảo đo mở rộng Expanded uncertainty k = 2; P = 95 % (pH)
(pH)	(pH)	(pH)	
4,008	4,00	-0,008	0,016
7,006	7,04	0,034	
10,011	9,98	-0,031	

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả hiệu chuẩn ở nhiệt độ 25 °C

Calibration results at temperature of 25 °C

- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng

The value is calibrated as the customer's requirement

- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn

The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %.

- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- HẾT / END -

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATIONSố/ (N^o): ACB.26.021**Phương tiện đo:** LÒ NUNG
Object FURNACE**Kiểu:** KSW
*Type***Số hiệu:** 3990
*Serial N^o***Đặc trưng kỹ thuật:** * Nhiệt độ lớn nhất/ *Max. Temperature:* 1 200 °C
Specifications * Độ phân giải/ *Resolution:* 1 °C**Khách hàng:** LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
Customer XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam**Nơi thực hiện:** Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh,
Place Việt Nam**Phương pháp:** DLMN/HC-NĐ02 : 2020 **Môi trường thực hiện:** (25 ± 2) °C
Method *Environmental* (40 ÷ 70) % RH**Chuẩn được sử dụng/ Standards used:**

Mã số/ ID	Mô tả/ Description	Liên kết/ Traceability	Hiệu lực/ Due. Date
NĐ - 10	Multi-channel temperature recorder	VMI-Viện Đo Lường Việt Nam	10 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment: Không/ No**Kết quả/ Results:** Trang/ Page: 2 / 2**Tem hiệu chuẩn/ Calibration label:** S26 - 47580**Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration:** 14 / 03 / 2026**Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recal. recommended:** 14 / 03 / 2027

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
*Head of Measurement Lab.***GIÁM ĐỐC**
Director**PHẠM TẤN DŨNG****NGUYỄN PHÚ HOA**

Trang/ Page 1 / 2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CERTIFICATE OF CALIBRATION



1. Độ chính xác/ Accuracy

Giá trị cài đặt Set Value (°C)	Giá trị chỉ thị Indication Value (°C)	Giá trị chuẩn trung bình ⁽¹⁾ Reference Value (°C)	Số hiệu chỉnh ⁽²⁾ Correction (°C)	Độ KĐBĐ mở rộng Expanded uncertainty k = 2; P = 95 % (°C)
900	900	891,3	-8,7	3,1
1 000	1 000	988,5	-11,5	3,6

2. Đặc trưng hoạt động/ Performance

Giá trị chỉ thị Indication Value (°C)	Độ ổn định ⁽³⁾ Stability (°C)	Độ đồng đều ⁽⁴⁾ Uniformity (°C)	Biến động nhiệt độ tổng thể ⁽⁵⁾ Overall variation (°C)
900	1,2	1,7	3,8
1 000	1,5	2,1	4,5

Ghi chú/ Notes:

- Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng

The value is calibrated as the customer's requirement

- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn

The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions

- Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The report expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95 %

⁽¹⁾ Giá trị trung bình chuẩn của 5 vị trí đo, 6 lần đo cách nhau 5 phút

The average of 5 positions measured temperature, 6 records in 5 minute intervals

⁽²⁾ Hiệu giữa nhiệt độ trung bình đo được và nhiệt độ chỉ thị

Difference of average temperature and indication

⁽³⁾ Một phần hai chênh lệch lớn nhất giữa các nhiệt độ đo được tại các thời điểm khác nhau trong cùng một vị trí

One - half the greatest maximum difference of measured temperature at difference time of recording the same position

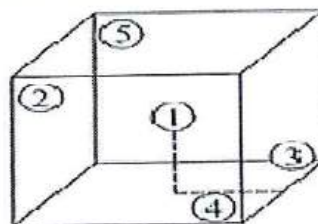
⁽⁴⁾ Một phần hai chênh lệch lớn nhất giữa các nhiệt độ đo được tại các vị trí khác nhau trong cùng thời điểm

One - half the greatest maximum difference of measured temperature at difference positions at the same time of recording

⁽⁵⁾ Chênh lệch lớn nhất giữa các nhiệt độ đo được tại tất cả các vị trí và tất cả các thời điểm

The difference of the maximum and the minimum measured temperature throughout observation time

3. Sơ đồ các vị trí/ Sensor Installation Locations



- HẾT / END -

KT3-00650BCO5/1b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

17/04/2025
 Page: 01/02

1. Phương tiện đo/Object: **MÁY THỬ KÉO NÉN**
UNIVERSAL TESTING MACHINE
2. Nơi sản xuất/Manufacturer: **HUNG THINH**
3. Kiểu/Type : **WDW-100** SN: 1804046 ID: N/A
4. Đặc trưng kỹ thuật/Specifications:
 + Khả năng chịu tải tối đa/Capacity: 100 kN
 + Chi thị/Indicator, Analog Digital
 + Thang đo/Range, kN (0 ÷ 100)
 + Độ phân giải/Resolution, kN 0,005
5. Khách hàng:
 Customer **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH**
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân,
TP Hồ Chí Minh
6. Nơi hiệu chuẩn:
 Place of Calibration **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh,**
TP Hồ Chí Minh
7. Phương pháp hiệu chuẩn/Method of Calibration:

DLVN 109:2002 - Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
 Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration

8. Chuẩn sử dụng/Standard Used:

ID	Description	Cal. Date	Due date	Traceable to
CO2000	Loadcell	10/2024	04/2026	VMI - VIETNAM

9. Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment : [23 ± 5] °C
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment : Không/No
11. Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration : 10/04/2025
12. Tem hiệu chuẩn/Calibration Label : KT3-00650BCO5/1
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng:
 Recalibration Date as Request of Customer 10/04/2026

TRƯỞNG PHÒNG PDL CƠ
HEAD OF MECHANICAL MEAS. LAB.



Lý Đạt Minh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00650BCO5/1b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N: DK 03

17/04/2025

Page: 02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of Calibration

14.1 Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of Calibration:

Nén/ Compression

14.2 Kết quả/Results

Giá trị chỉ thị, kN <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, kN <i>Reference Value</i>	Sai số tương đối, % <i>Relative Error</i>	Độ KĐBD, % <i>Uncertainty</i>
0,0	0,00	N/A	N/A
20,0	19,98	+ 0,1	0,3
40,0	39,96	+ 0,1	0,3
60,0	59,91	+ 0,1	0,3
80,0	79,95	+ 0,1	0,3
100,0	99,98	0,0	0,3

15. Thông tin khác/Other Informations:

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.
All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
Calibration results are based on three time measurements, from which the average and errors are calculated.

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-00650BCO5/2b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

17/04/2025
 Page: 01/02

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

- Phương tiện đo/Object: **MÁY THỬ KÉO NÉN**
UNIVERSAL TESTING MACHINE
- Nơi sản xuất/Manufacturer: **WUXI NEW LUDA - CHINA**
- Kiểu/Type : **WE-1000B** SN: 191212 ID: N/A
- Đặc trưng kỹ thuật/Specifications:
 - + Khả năng chịu tải tối đa/Capacity: 1 000 kN Số hiệu bộ hiển thị: XG19008888
 - + Chỉ thị/Indicator, Analog Digital
 - + Thang đo/Range, kN (0 ÷ 1 000)
 - + Độ phân giải/Resolution, kN 0,1
- Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH**
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân,
TP Hồ Chí Minh
Customer
- Nơi hiệu chuẩn: **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh,**
TP Hồ Chí Minh
Place of Calibration
- Phương pháp hiệu chuẩn/Method of Calibration:

DLVN 109:2002 - Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration
- Chuẩn sử dụng/Standard Used:

ID	Description	Cal. Date	Due date	Traceable to
CO1700	Loadcell	10/2024	04/2026	VMI - VIETNAM

- Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment : [23 ± 5] °C
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment : Không/No
- Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration : 10/04/2025
- Tem hiệu chuẩn/Calibration Label : KT3-00650BCO5/2
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 10/04/2026
Recalibration Date as Request of Customer

TRƯỞNG PHÒNG PDL CƠ
HEAD OF MECHANICAL MEAS. LAB.



Lý Đạt Minh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



KT3-00650BCO5/2b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

17/04/2025

Page: 02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of Calibration

14.1 Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of Calibration:

Nén/ Compression

14.2 Kết quả/Results

Giá trị chỉ thị, kN <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, kN <i>Reference Value</i>	Sai số tương đối, % <i>Relative Error</i>	Độ KĐBĐ, % <i>Uncertainty</i>
0,0	0,0	N/A	N/A
200,0	201,5	- 0,8	0,3
400,0	402,8	- 0,7	0,3
600,0	604,0	- 0,7	0,3
800,0	803,9	- 0,5	0,3
1 000	1 003	- 0,3	0,3

15. Thông tin khác/Other Informations:

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.
All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
Calibration results are based on three time measurements, from which the average and errors are calculated.

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-00650BCO5/3b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

17/04/2025
Page: 01/02

- Phương tiện đo/Object: **MÁY THỬ NÉN**
COMPRESSION TESTING MACHINE
- Nơi sản xuất/Manufacturer: ZHEJIANG TUGONG
- Kiểu/Type: STYE-2000 SN: 151125 ID: N/A
- Đặc trưng kỹ thuật/Specifications:
 - + Khả năng chịu tải tối đa/Capacity: 2 000 kN Số hiệu bộ hiển thị: XG173405
 - + Chỉ thị/Indicator, Analog Digital
 - + Thang đo/Range, kN (0 ÷ 2 000)
 - + Độ phân giải/Resolution, kN 0,1
- Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH**
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
Customer
- Nơi hiệu chuẩn: **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh,**
TP Hồ Chí Minh
Place of Calibration
- Phương pháp hiệu chuẩn/Method of Calibration:
DLVN 109:2002 - Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration
- Chuẩn sử dụng/Standard Used:

ID	Description	Cal. Date	Due date	Traceable to
CO1707	Loadcell	04/2025	10/2026	VMI - VIETNAM
- Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment: [23 ± 5] °C
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment: Không/No
- Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration: 10/04/2025
- Tem hiệu chuẩn/Calibration Label: KT3-00650BCO5/3
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 10/04/2026
Recalibration Date as Request of Customer

TRƯỞNG PHÒNG PĐL CƠ
HEAD OF MECHANICAL MEAS. LAB.



Lý Đạt Minh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



Nguyễn Tân Tùng

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00650BCO5/3b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License No: DK-03

17/04/2025
Page: 02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of Calibration

14.1 Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of Calibration:

Nén/ Compression

14.2 Kết quả/Results

Giá trị chỉ thị, kN <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, kN <i>Reference Value</i>	Sai số tương đối, % <i>Relative Error</i>	Độ KĐBĐ, % <i>Uncertainty</i>
0,0	0,0	N/A	N/A
400,0	396,7	+ 0,8	0,3
800,0	795,4	+ 0,6	0,3
1 200	1 193	+ 0,6	0,3
1 600	1 592	+ 0,5	0,3
2 000	1 990	+ 0,5	0,3

15. Thông tin khác/Other Informations:

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.
All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
Calibration results are based on three time measurements, from which the average and errors are calculated.

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-00650BCO5/4b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

17/04/2025
Page: 01/02

- Phương tiện đo/Object: **MÁY THỬ NÉN**
COMPRESSION TESTING MACHINE
- Nơi sản xuất/Manufacturer: **MATEST - ITALY**
- Kiểu/Type : **E161PA104** SN: **A161PA104/BE/0001** ID: **N/A**
- Đặc trưng kỹ thuật/Specifications:
 - + Khả năng chịu tải tối đa/Capacity: **300 kN**
 - + Chỉ thị/Indicator, Analog Digital
 - + Thang đo/Range, **kN (0 ÷ 300)**
 - + Độ phân giải/Resolution, **kN 0,1**
- Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH**
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân,
TP Hồ Chí Minh
Customer
- Nơi hiệu chuẩn: **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh,**
TP Hồ Chí Minh
Place of Calibration
- Phương pháp hiệu chuẩn/Method of Calibration:
ĐLVN 109:2002 - Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration
- Chuẩn sử dụng/Standard Used:

ID	Description	Cal. Date	Due date	Traceable to
CO1708	Loadcell	10/2024	04/2026	VMI - VIETNAM
- Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment : **[23 ± 5] °C**
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment : **Không/No**
- Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration : **10/04/2025**
- Tem hiệu chuẩn/Calibration Label : **KT3-00650BCO5/4**
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: **10/04/2026**
Recalibration Date as Request of Customer

TRƯỞNG PHÒNG PDL CƠ
HEAD OF MECHANICAL MEAS. LAB.

Lý Đạt Minh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



Nguyễn Văn Tùng

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00650BC05/4b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

17/04/2025
Page: 02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of Calibration

14.1 Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of Calibration:

Nén/ Compression

14.2 Kết quả/Results

Giá trị chỉ thị, kN <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, kN <i>Reference Value</i>	Sai số tương đối, % <i>Relative Error</i>	Độ KĐBB, % <i>Uncertainty</i>
0,0	0,00	N/A	N/A
60,0	59,75	+ 0,4	0,4
120,0	119,3	+ 0,6	0,4
180,0	179,1	+ 0,5	0,4
240,0	238,3	+ 0,7	0,4
300,0	298,1	+ 0,6	0,4

15. Thông tin khác/Other Informations:

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.
All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
Calibration results are based on three time measurements, from which the average and errors are calculated.

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-00650BCO5/5b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

17/04/2025
 Page: 01/02

- Phương tiện đo/Object: **MÁY THỬ NÉN**
COMPRESSION TESTING MACHINE
- Nơi sản xuất/Manufacturer: **ELE - ENGLAND**
- Kiểu/Type : **ADR-2000** SN: 1796-8-2250 ID: N/A
- Đặc trưng kỹ thuật/Specifications:
 - + Khả năng chịu tải tối đa/Capacity: 2 000 kN
 - + Chi thị/Indicator, Analog Digital
 - + Thang đo/Range, kN (0 ÷ 2 000)
 - + Độ phân giải/Resolution, kN 0,1
- Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH**
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Customer Số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
- Nơi hiệu chuẩn: **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh,**
Place of Calibration **TP Hồ Chí Minh**
- Phương pháp hiệu chuẩn/Method of Calibration: **ĐLVN 109:2002 - Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**
Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration
- Chuẩn sử dụng/Standard Used:

ID	Description	Cal. Date	Due date	Traceable to
CO1707	Loadcell	04/2025	10/2026	VMI - VIETNAM
- Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment : [23 ± 5] °C
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment : Không/No
- Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration : 10/04/2025
- Tem hiệu chuẩn/Calibration Label : KT3-00650BCO5/5
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 10/04/2026
Recalibration Date as Request of Customer

TRƯỞNG PHÒNG PDL CƠ
HEAD OF MECHANICAL MEAS. LAB.



Lý Đạt Minh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



Nguyễn Tân Tùng

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
 2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00650BC05/5b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK-03

17/04/2025

Page: 02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of Calibration

14.1 Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of Calibration:

Nén/ Compression

14.2 Kết quả/Results

Giá trị chỉ thị, kN <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, kN <i>Reference Value</i>	Sai số tương đối, % <i>Relative Error</i>	Độ KĐBĐ, % <i>Uncertainty</i>
0,0	0,0	N/A	N/A
400,0	399,4	+ 0,2	0,4
800,0	798,4	+ 0,2	0,4
1 200	1 196	+ 0,4	0,4
1 600	1 598	+ 0,1	0,4
2 000	2 000	0,0	0,4

15. Thông tin khác/Other Informations:

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.
All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
Calibration results are based on three time measurements, from which the average and errors are calculated.

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)
Số (No): KV3 - 21353

Tên phương tiện đo (Object): **THIẾT BỊ SIÊU ÂM CỌC KHOAN NHỒI**
CROSS HOLE ANALYZER

Kiểu : CHA Số hiệu : 8227XC Nơi sản xuất : Mỹ
Type Serial No Manufacturer USA

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - TCVN 9396:2012 ; ASTM D-6760

Technical Specification - Phạm vi đo (Range) : (0÷100) m

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
XÂY DỰNG SÀI GÒN (LAS-XD 498)

Customer 205 Đào Duy Từ, Phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) : Đo trực tiếp/ Direct comparison

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) : $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity) : $(60 \pm 2) \%RH$

Kết quả (Results) : -Thiết bị hoạt động bình thường

- Thiết bị Phù hợp theo theo TCVN 9396:2012-12 ; ASTM D-6760

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label) : KV3 - 21353

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection): 07/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection): 07/08/2026

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH HOÀNG GIA
Hoanggia Inspection Joint stock Company

Head Office: 109 Nguyen Thi Minh Khai Str., Tam Thang Ward, HCM City, Vietnam - Tel: 0908 776190 - Email: hoangcongcong@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số/No: HG322134

Ngày/Date: 02/03/2026

- Khách hàng (Customer): Liên hiệp Khoa học Địa chất Kiểm định Nền móng Xây dựng Sài Gòn
(SAIGON UNION)
- Địa chỉ (Address): Số 6 đường 27, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
(No 6 road 27, An Lac Ward, Ho Chi Minh City)
- Tên thiết bị (Name of Instrument): Thiết bị kiểm tra cọc động (Pile Drilling Analyzer)
- Ngày kiểm tra (Inspection date): 02/03/2026 (March 02, 2026)

I- QUY CÁCH KỸ THUẬT (SPECIFICATION)

- Kiểu (Model): PDA-PAX
- Số hiệu (Serial number): 3898
- Nhà sản xuất (Manufacture): Pile Dynamics INC- U.S.A

II- PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA (INSPECTION METHOD)

- Phương pháp KT (Inspection method): ASTM D4945-12

III- KẾT QUẢ KIỂM TRA (INSPECTION RESULTS)

- Kết quả (Results): Thiết bị hoạt động bình thường (The device works normally)
Thiết bị PDA-PAX phù hợp để kiểm tra cọc theo tiêu chuẩn ASTM D4945-12 (The PDA-PAX is suitable for pile testing in accordance with ASTM D4945-12)
- Tem kiểm tra (Inspection label): HCC 2134
- Ngày hết hạn (Expire date): 02/03/2027 (March 02, 2027)

NGƯỜI KIỂM TRA
(Inspector)

NGUYỄN VĂN HUỠNH

GIÁM ĐỐC
(Director)



HOÀNG CÔNG TÙNG



Quoc Huy Technique Co Ltd.
Since 1999

Verification and Calibration Laboratory

Quoc Huy Technique Co. Ltd

VILAS 885 - Registered Number: ĐK-180

Trang/Page
1/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Chứng nhận thử nghiệm số/ Certificate No.
QH.CLAB/CERT/MT-2596

Ngày thử nghiệm/ Date of Testing
23/09/2025

Tên đối tượng: **Thiết bị gông từ**
Object: **Magnetic Yoke**

Kiểu/ Type
MP-A2L

Số hiệu/ Serial No.
MP 5775

Nhà sản xuất/ Manufacturer
KYUNG DO - Korea

Cơ sở sử dụng/Customer: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KĐ NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Địa chỉ/ Address: **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh**

Phương pháp thử nghiệm/ Method of Testing: **QH.CLAB/QT/MT-08 (ASTM E 1444M-22a)**

Nơi thử nghiệm/ Place of Testing: **Phòng Kiểm định và Hiệu chuẩn Quốc Huy**

Địa chỉ/ Address: **23 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**

Điều kiện môi trường/ Environmental condition: **23°C - 56%RH**

Hiệu chỉnh/ Adjust: **Không hiệu chỉnh phương tiện đo/ Not adjusted**
Có hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjusted



Tình trạng khi nhận/ Condition when received: **Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification**

Tình trạng khi thử nghiệm/ Condition at the time of testing: **Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification**

Chuẩn và Thiết bị sử dụng/
Measurement Standard and Equipment Used

Số hiệu/
Serial No.

Ngày hiệu chuẩn/
Calibration Date

Hiệu lực đến/
Due Date

1/Weight Lift Test Block Magnaflux

471

05/11/2024

05/11/2025

Ngày đề nghị thử nghiệm tiếp theo/ Retesting date should be recommended: **22/09/2026**

Kết quả thử nghiệm/ Result of Testing: **Xem kết quả ở các trang sau/ See result in next pages**

Người thử nghiệm

Calibrated by



VILAS 885
Trần Đình Thọ
Phòng KĐ - HC

Verification and Calibration Laboratory

Người duyệt

Reviewed/ Approved by



Bùi Đăng Quang

Trưởng phòng KĐ-HC
Head of Laboratory

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu kết quả này chỉ có giá trị với thiết bị đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây.
The test results in this report are applicable to the above tested instrument only.
- Không được trích sao 1 phần phiếu thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng Kiểm Định và Hiệu Chuẩn Quốc Huy.
This test results shall not be reproduced without the written approval of Quoc Huy Verification and Calibration Laboratory.
- Tên khách hàng được ghi theo phiếu yêu cầu thử nghiệm.
Name of customer is written as test request form.



TESTING REPORT

No: MT-2596

Instrument: Magnetic Yoke
Model: MP-A2L
Serial number: MP 5775
Testing date: 23/09/2025
Testing Due Date: 22/09/2026
Testing Procedure: QH.CLAB/QT/MT-08 (ASTM E 1444M-22a)

Measurement Standard Used:

Equipment	Serial Nuber	Calib.Date	Due Date
1/Weight Lift Test Block Magnaflux	471	05/11/2024	05/11/2025

Environmental Condition:

Temperature: 23°C
Humidity: 56%

1. Physical State and External Aspects

Visually inspect the outside of the instrument for physical damage.

No.	Physical state and external aspects	Status	Note
1	Housing Equipment	Good	
2	Electric Cable	Good	
3	Legs	Good	
4	Serial Number/ Part Number/ Model	Good	

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:



2. Test result: Lifting capacity

2.1. AC Lifting Capacity

No.	Pole Leg Spacing (mm)	Weight (kg)	Yes	No
1	50	4,5	✓	
2	100	4,5	✓	
3	150	4,5	✓	

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

2.2. DC Lifting Capacity (N-A)

No.	Pole Leg Spacing (mm)	Weight (kg)	Yes	No
1	50	4,5		
2	100	13,5		
3	100	22,5		
4	150	22,5		

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

Conclusion:

The equipment is found to be met technical specifications as per QH.CLAB/QT/MT-08 at the time of Testing.

The inspector, Mr. Tran Dinh Tho certifies that the inspected equipment is:

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Originated at: Quoc Huy's Verification and Calibration Laboratory - Date: 23/09/2025

CALIBRATED BY



Trần Đình Thọ
Date: 23/09/2025

APPROVED BY



Bùi Đăng Giang
Date: 23/09/2025



Quoc Huy Technique Co Ltd.
Since 1999

Verification and Calibration Laboratory

Quoc Huy Technique Co. Ltd

VILAS 885 - Registered Number: ĐK-180

Trang/Page

1/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Chứng nhận thử nghiệm số/ Certificate No.
QH.CLAB/CERT/MT-2597

Ngày thử nghiệm/ Date of Testing
23/09/2025

Tên đối tượng: **Thiết bị gông từ**
Object: **Magnetic Yoke**

Kiểu/ Type
MP-A2L

Số hiệu/ Serial No.
MP 1538

Nhà sản xuất/ Manufacturer
KYUNG DO - Korea

Cơ sở sử dụng/Customer: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KĐ NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Địa chỉ/ Address: **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh**

Phương pháp thử nghiệm/ Method of Testing: **QH.CLAB/QT/MT-08 (ASTM E 144M-22a)**

Nơi thử nghiệm/ Place of Testing: **Phòng Kiểm định và Hiệu chuẩn Quốc Huy**

Địa chỉ/ Address: **23 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh**

Điều kiện môi trường/ Environmental condition: **23°C - 56%RH**

Hiệu chỉnh/ Adjust: Không hiệu chỉnh phương tiện đo/ Not adjusted
 Có hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjusted

Tình trạng khi nhận/ Condition when received: **Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification**

Tình trạng khi thử nghiệm/ Condition at the time of testing: **Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification**

Chuẩn và Thiết bị sử dụng/ Measurement Standard and Equipment Used	Số hiệu/ Serial No.	Ngày hiệu chuẩn/ Calibration Date	Hiệu lực đến/ Due Date
1/Weight Lift Test Block Magnaflux	471	05/11/2024	05/11/2025

Ngày đề nghị thử nghiệm tiếp theo/ Retesting date should be recommended: **22/09/2026**

Kết quả thử nghiệm/ Result of Testing: **Xem kết quả ở các trang sau/ See result in next pages**

Người thử nghiệm
Calibrated by



Trần Đình Thọ
Phòng KĐ - HC

Verification and Calibration Laboratory

Người duyệt
Reviewed/ Approved by



Bùi Đăng Giang
Trưởng phòng KĐ-HC
Head of Laboratory

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu kết quả này chỉ có giá trị với thiết bị đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây.
The test results in this report are applicable to the above tested instrument only.
- Không được trích sao 1 phần phiếu thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng Kiểm Định và Hiệu Chuẩn Quốc Huy.
This test results shall not be reproduced without the written approval of Quoc Huy Verification and Calibration Laboratory.
- Tên khách hàng được ghi theo phiếu yêu cầu thử nghiệm.
Name of customer is written as test request form.



TESTING REPORT

No: MT-2597

Instrument: Magnetic Yoke
Model: MP-A2L
Serial number: MP 1538
Testing date: 23/09/2025
Testing Due Date: 22/09/2026
Testing Procedure: QH.CLAB/QT/MT-08 (ASTM E 1444M-22a)

Measurement Standard Used:

Equipment	Serial Nuber	Calib.Date	Due Date
1/Weight Lift Test Block Magnaflux	471	05/11/2024	05/11/2025

Environmental Condition:

Temperature: 23°C
Humidity: 56%

1. Physical State and External Aspects

Visually inspect the outside of the instrument for physical damage.

No.	Physical state and external aspects	Status	Note
1	Housing Equipment	Good	
2	Electric Cable	Good	
3	Legs	Good	
4	Serial Number/ Part Number/ Model	Good	

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

2. Test result: Lifting capacity

2.1. AC Lifting Capacity

No.	Pole Leg Spacing (mm)	Weight (kg)	Yes	No
1	50	4,5	✓	
2	100	4,5	✓	
3	150	4,5	✓	

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

2.2. DC Lifting Capacity (N-A)

No.	Pole Leg Spacing (mm)	Weight (kg)	Yes	No
1	50	4,5		
2	100	13,5		
3	100	22,5		
4	150	22,5		

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

Conclusion:

The equipment is found to be met technical specifications as per QH.CLAB/QT/MT-08 at the time of Testing.

The inspector, Mr. Tran Dinh Tho certifies that the inspected equipment is:

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Originated at: Quoc Huy's Verification and Calibration Laboratory - Date: 23/09/2025

CALIBRATED BY



VILAS 885
Trần Đình Thọ
Date: 23/09/2025

APPROVED BY



Bùi Đăng Giang
Date: 23/09/2025



Quoc Huy Technique Co Ltd.
Since 1999

Verification and Calibration Laboratory

Quoc Huy Technique Co. Ltd

VILAS 885 - Registered Number: ĐK-180 & 560/TN-TĐC

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CERTIFICATE OF CALIBRATION

Chứng nhận hiệu chuẩn số/ Certificate No.

QH.CLAB/CERT/UT-2589

Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration

07/07/2025

Tên đối tượng: Máy kiểm tra khuyết tật bằng siêu âm

Object: Ultrasonic Flaw Detector

Kiểu/ Type

EPOCH 650

Số hiệu/ Serial No.

150087707

Nhà sản xuất/ Manufacturer

Olympus-USA

Cơ sở sử dụng/ Customer: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KĐ NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

Địa chỉ/ Address: 205 Đào Duy Từ, Phường Diên Hồng, Tp Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration: QH.CLAB/QT/UT-03 (ASTM E 317-16)

Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration: Phòng Kiểm định và Hiệu chuẩn Quốc Huy

Địa chỉ/ Address: 23 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

Điều kiện môi trường/ Environmental condition: 23°C - 58%RH

Hiệu chỉnh/ Adjust: Không hiệu chỉnh phương tiện đo/ Not adjusted

Có hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjusted

Tình trạng khi nhận/ Condition when received: Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification

Tình trạng khi hiệu chuẩn/ Condition at the time of calibration: Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification

Chuẩn và Thiết bị sử dụng/

Measurement Standard and Equipment Used

Số hiệu/

Serial No.

Ngày hiệu chuẩn/

Cal Date

Hiệu lực đến/

Due Date

1/ Standard Block/ Probe N30

58474-5306

17/01/2025

16/01/2026

2/ Standard Block V1

83239

08/04/2025

08/04/2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo/ Recalibration date should be recommended: 06/07/2026

Kết quả hiệu chuẩn/ Result of calibration: Xem kết quả ở các trang sau/ See result in next pages

Người hiệu chuẩn

Calibrated by



Trần Đình Hưng

Phòng KĐ - HC

Verification and Calibration Laboratory

Người duyệt

Reviewed/ Approved by



Bùi Đăng Giảng

Trưởng phòng KĐ-HC

Head of Laboratory

1. Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị với thiết bị đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây.

The calibration results in this certificate are applicable to the above calibrated instrument only.

2. Không được trích sao 1 phần giấy hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng Kiểm Định và Hiệu Chuẩn Quốc Huy.

This certificate shall not be reproduced without the written approval of Quoc Huy Verification and Calibration Laboratory.

3. Tên khách hàng được ghi theo phiếu yêu cầu Hiệu Chuẩn.

Name of customer is written as calibration request form.

CALIBRATION REPORT

No: UT-2589



Instrument: Ultrasonic Flaw Detector
Model: EPOCH 650
Serial number: 150087707
Calibration date: 07/07/2025
Calibration Due Date: 06/07/2026
Calibration procedure: QH.CLAB/QT/UT-03 (ASTM E 317-16)

Measurement Standard and Equipment Used:

Measurement Standard and Equipment	Serial Number	Calib,Date	Due Date
Standard Block/ Probe N30	58474-5306	17/01/2025	16/01/2026
Standard Block V1	83239	08/04/2025	08/04/2026

Environmental Condition:

Temperature: 23°C

Humidity: 58%

1. Physical State and External Aspects

Visually inspect the outside of the instrument for physical damage,

No,	Physical state and external aspects	Status	Note
1	Housing Equipment	Good	
2	Display Monitor	Good	
3	Electric Cable	Good	
4	Control Key	Good	
5	Adaptor	Good	
6	Serial Number/ Part Number/ Model	Good	

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2589

Trang/Page

3/8



2. Functional Stability

Checking 100 mm Scale

Back wall echo after warm-up time: 0

Amplitude: 80 %

Base line position: 50,00 mm

Back wall echo after 15 minutes:

Amplitude: 80 %

Base line position: 50,00 mm

Back wall echo after 30 minutes:

Amplitude: 80 %

Base line position: 50,00 mm

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

3. Vertical Linearity

3.1. CHECKING absence of residual threshold

Initial gain: 27,9 dB – Amplitude: 80%

Final gain: 3,9 dB – Amplitude: 5%

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

3.2. CHECKING the 500 mm scale

Initial gain: 22,0 dB

Echo	Base line (mm)	Amplitude >10%	Theoretical +6dB amplitude	Measured
1 st echo	50,00			41%
2 nd echo	100,19			20%
3 rd echo	150,10			12%

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2589

Trang/Page

4/8

CÔNG TY

TINH KỸ THUẬT
QUỐC HUY

New gain (Initial gain +6dB): 28,0 dB

Echo	Base line (mm)	Amplitude >10%	Theoretical +6dB amplitude	Measured
1 st echo	50,00	41%	82%	81%
2 nd echo	100,19	20%	40%	40%
3 rd echo	150,10	12%	24%	24%
4 th echo	200,00			18%
5 th echo	249,89			11%

New gain (Initial gain +6dB): 34,0 dB

Echo	Base line (mm)	Amplitude >10%	Theoretical +6dB amplitude	Measured
1 st echo	50,00	81%	162%	Over
2 nd echo	100,19	40%	80%	80%
3 rd echo	150,10	24%	48%	48%
4 th echo	200,00	18%	36%	36%
5 th echo	249,89	11%	22%	22%
6 th echo	298,95			16%
7 th echo	348,80			10%

New gain (Initial gain +6dB): 40,0 dB

Echo	Base line (mm)	Amplitude >10%	Theoretical +6dB amplitude	Measured
2 nd echo	100,19	80%	160%	Over
3 rd echo	150,10	48%	96%	96%
4 th echo	200,00	36%	72%	72%
5 th echo	249,89	22%	44%	44%
6 th echo	298,95	16%	32%	32%
7 th echo	348,80	10%	20%	20%
8 th echo	398,68			15%

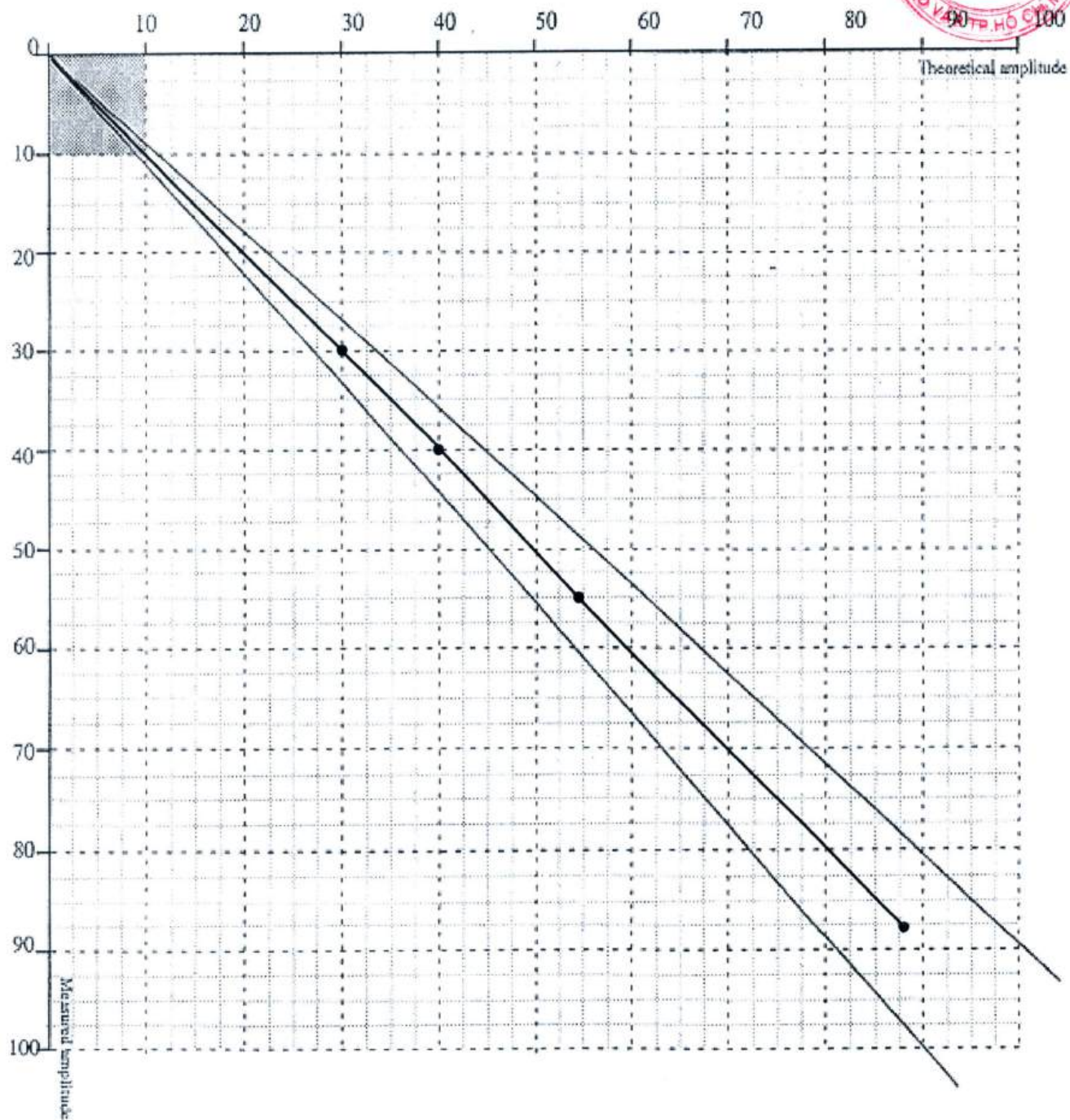
New gain (Initial gain +6dB): 46,0 dB

Echo	Base line (mm)	Amplitude >10%	Theoretical +6dB amplitude	Measured
3 rd echo	150,10	96%	192%	Over
4 th echo	200,00	72%	144%	Over
5 th echo	249,89	44%	88%	88%
6 th echo	298,95	32%	64%	65%
7 th echo	348,80	20%	40%	40%
8 th echo	398,68	15%	30%	30%

* Uncertainty: 1,3 %fs



3.3. Characteristic Curve of Amplifier



COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2589

Trang/Page

6/8



3.4 Calibrated Amplifier Linearity

Initial Gain of the 4th echo: 40,5 dB producing an amplitude of 80%.

Initial Gain of the 3th echo: 37,3 dB producing an amplitude of 80%.

Initial Gain of the 2th echo: 33,7 dB producing an amplitude of 80%.

Initial Gain of the 1th echo: 27,9 dB producing an amplitude of 80%.

Echo	Echo number	Ref, Echo amplitude (%)	Theoretical amplitude in (%)	Measured amplitude in (%)	Difference in (%)
Ref, Echo – 6dB = 34,5 dB	4 th	80,0	40,0	40,0	0,0
- 6 dB = 28,5 dB	4 th	40,0	20,0	20,0	0,0
- 6 dB = 22,5 dB	4 th	20,0	10,0	10,0	0,0
- 6 dB = 16,5 dB	4 th	10,0	5,0	5,0	0,0
Ref, Echo – 6dB = 31,3 dB	3 rd	80,0	40,0	40,0	0,0
- 6 dB = 25,3 dB	3 rd	40,0	20,0	20,0	0,0
- 6 dB = 19,3 dB	3 rd	20,0	10,0	10,0	0,0
- 6 dB = 13,3 dB	3 rd	10,0	5,0	5,0	0,0
Ref, Echo – 6dB = 27,7 dB	2 nd	81,0	40,5	40,0	0,5
- 6 dB = 21,7 dB	2 nd	40,0	20,0	20,0	0,0
- 6 dB = 12,7 dB	2 nd	20,0	10,0	10,0	0,0
- 6 dB = 6,7 dB	2 nd	10,0	5,0	5,0	0,0
Ref, Echo – 6dB = 21,9 dB	1 st	80,0	40,0	40,0	0,0
- 6 dB = 15,9 dB	1 st	40,0	20,0	20,0	0,0
- 6 dB = 9,9 dB	1 st	20,0	10,0	10,0	0,0
- 6 dB = 3,9 dB	1 st	10,0	5,0	5,0	0,0

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

* Uncertainty: 1,3 %fs

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2589

Trang/Page

7/8



4. Horizontal Linearity (Time Base)

a. CHECKING the 0 – 200 mm scale

Length of base line in mm: 200 mm, therefore 1% = 2 mm

Table 4.1

	Measured (mm)	
Echo 1 → 2	50,19	Max. dimension – Min. dimension = 50,19 – 49,90 = 0,29 mm
Echo 2 → 3	49,91	
Echo 3 → 4	49,90	

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

* Uncertainty: 0,21 mm

b. CHECKING the 0 – 500 mm scale

Length of base line in mm: 500 mm, therefore 1% = 5 mm

Table 4.2

	Measured (mm)	
Echo 1 → 2	99,82	Max. dimension – Min. dimension = 100,18 – 99,82 = 0,36 mm
Echo 2 → 3	100,18	
Echo 3 → 4	99,92	
Echo 4 → 5	100,06	

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

* Uncertainty: 0,25 mm

5. Resolving Power

Measured dimension in mm: 3,5 mm

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

6. Amplification Reserve

Initial gain in dB: 38,9 dB

Maximum gain reserve: 58,9 dB

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark: With the probe held “in the air” check there are no stray echoes exceeding 10% of the screen height after adding further 20 dB

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2589

Trang/Page
8/8

Conclusion:

The equipment is found to be met technical specifications as per QH.CLAB/QT/UT-03 at the time of calibration.

The inspector, Mr. Tran Dinh Tho certifies that the inspected equipment is:

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Originated at: Quoc Huy's Verification and Calibration Laboratory - Date: 07/07/2025

CALIBRATED BY



VILAS 885
Trần Đình Thọ
Date: 07/07/2025

APPROVED BY



Bùi Đăng Giang
Date: 07/07/2025



Quoc Huy Technique Co Ltd.
Since 1999

Verification and Calibration Laboratory

Quoc Huy Technique Co. Ltd

VILAS 885 - Registered Number: ĐK-180 & 560/TN-TĐC

Trang/Page
1/8

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CERTIFICATE OF CALIBRATION

Chứng nhận hiệu chuẩn số/ Certificate No. QH.CLAB/CERT/UT-2642		Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration 07/02/2026	
Tên đối tượng: Object:		Máy kiểm tra khuyết tật bằng siêu âm Ultrasonic Flaw Detector	
Kiểu/ Type EPOCH 600	Số hiệu/ Serial No. 150921711	Nhà sản xuất/ Manufacturer Olympus-USA	
Cơ sở sử dụng/ Customer: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KĐ NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN			
Địa chỉ/ Address: 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh			
Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration: QH.CLAB/QT/UT-03 (ASTM E 317-16)			
Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration: Phòng Kiểm định và Hiệu chuẩn Quốc Huy			
Địa chỉ/ Address: 23 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh			
Điều kiện môi trường/ Environmental condition: 22°C - 53%RH			
Hiệu chỉnh/ Adjust:		Không hiệu chỉnh phương tiện đo/ Not adjusted <input checked="" type="checkbox"/> Có hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjusted <input type="checkbox"/>	
Tình trạng khi nhận/ Condition when received: Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification			
Tình trạng khi hiệu chuẩn/ Condition at the time of calibration: Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification			
Chuẩn và Thiết bị sử dụng/ Measurement Standard and Equipment Used	Số hiệu/ Serial No.	Ngày hiệu chuẩn/ Cal Date	Hiệu lực đến/ Due Date
1/ Standard Block/ Probe N30	58474-5306	17/01/2026	16/01/2027
2/ Standard Block V1	83239	08/04/2025	08/04/2026
Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo/ Recalibration date should be recommended: 06/02/2027			
Kết quả hiệu chuẩn/ Result of calibration: Xem kết quả ở các trang sau/ See result in next pages			

Người hiệu chuẩn
Calibrated by




VILAS 885
Trần Đình Thọ
Phòng KĐ - HC
Verification and Calibration Laboratory

Người duyệt
Reviewed/ Approved by



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUỐC HUY
Bùi Đăng Cường
Trưởng phòng KĐ-HC
Head of Laboratory

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị với thiết bị đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây.
The calibration results in this certificate are applicable to the above calibrated instrument only.
- Không được trích sao 1 phần giấy hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng Kiểm Định và Hiệu Chuẩn Quốc Huy.
This certificate shall not be reproduced without the written approval of Quoc Huy Verification and Calibration Laboratory.
- Tên khách hàng được ghi theo phiếu yêu cầu Hiệu Chuẩn.
Name of customer is written as calibration request form.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2642

Trang/Page

2/8

CÔNG TY

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
QUỐC HUY

CALIBRATION REPORT

No: UT-2642

Instrument: Ultrasonic Flaw Detector
Model: EPOCH 600
Serial number: 150921711
Calibration date: 07/02/2026
Calibration Due Date: 06/02/2027
Calibration procedure: QH.CLAB/QT/UT-03 (ASTM E 317-16)

Measurement Standard and Equipment Used:

Measurement Standard and Equipment	Serial Number	Calib,Date	Due Date
Standard Block/ Probe N30	58474-5306	17/01/2026	16/01/2027
Standard Block V1	83239	08/04/2025	08/04/2026

Environmental Condition:

Temperature: 22°C

Humidity: 53%

1. Physical State and External Aspects

Visually inspect the outside of the instrument for physical damage,

No.	Physical state and external aspects	Status	Note
1	Housing Equipment	Good	
2	Display Monitor	Good	
3	Electric Cable	Good	
4	Control Key	Good	
5	Adaptor	Good	
6	Serial Number/ Part Number/ Model	Good	

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

Head Office: 23 Nguyen Thai Son, Ward 3, Govap Dist., Hochiminh City, Vietnam
Hanoi Rep.: Room P306, Building Licogi 13-B, 164 Khuat Duy Tien ward, Ha Noi City, Vietnam
Vungtau Rep.: Room B1715, Hodeco Building, Truong Van Bang st., Vung Tau city, Vietnam
Quangnai Rep.: 538 Hai Ba Trung st., Quang Ngai province, Vietnam
Email: info@quochuy.com Website: www.ndt.vn.com

Tel: +84.8 38940623 Fax: +84.8 38953579
Tel: +84.4 37915881 Fax: +84.4 37915881
Tel: +84.64 6252329 Fax: +84.64 6252329
Tel: +84 (0) 933 394 245

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2642

Trang/Page

3/8



2. Functional Stability

Checking 100 mm Scale

Back wall echo after warm-up time: 0

Amplitude: 80 %

Base line position: 50.00 mm

Back wall echo after 15 minutes:

Amplitude: 80 %

Base line position: 50,00 mm

Back wall echo after 30 minutes:

Amplitude: 80 %

Base line position: 50.00 mm

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

3. Vertical Linearity

3.1. CHECKING absence of residual threshold

Initial gain: 30,0 dB – Amplitude: 80%

Final gain: 6,0 dB – Amplitude: 5%

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

3.2. CHECKING the 500 mm scale

Initial gain: 24,0 dB

Echo	Base line (mm)	Amplitude >10%	Theoretical +6dB amplitude	Measured
1 st echo	50,00			40%
2 nd echo	100,10			21%
3 rd echo	150,18			13%

Head Office: 23 Nguyen Thai Son, Ward 3, Govap Dist., Hochiminh City, Vietnam
Hanoi Rep.: Room P306, Building Licogi 13-B, 164 Khuat Duy Tien ward, Ha Noi City, Vietnam
Vungtau Rep.: Room B1715, Hodeco Building, Truong Van Bang st., Vung Tau city, Vietnam
Quangnai Rep.: 538 Hai Ba Trung st., Quang Ngai province, Vietnam
Email: info@quochuy.com Website: www.ndt.vn.com

Tel: +84.8 38940623 Fax: +84.8 38953579
Tel: +84.4 37915881 Fax: +84.4 37915881
Tel: +84.64 6252329 Fax: +84.64 6252329
Tel: +84 (0) 933 394 245

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2642



New gain (Initial gain +6dB): 30,0 dB

Echo	Base line (mm)	Amplitude >10%	Theoretical +6dB amplitude	Measured
1 st echo	50,00	40%	80%	80%
2 nd echo	100,10	21%	42%	41%
3 rd echo	150,18	13%	26%	25%
4 th echo	200,00			15%
5 th echo	249,78			11%

New gain (Initial gain +6dB): 36,0 dB

Echo	Base line (mm)	Amplitude >10%	Theoretical +6dB amplitude	Measured
1 st echo	50,00	81%	162%	Over
2 nd echo	100,10	41%	82%	83%
3 rd echo	150,18	25%	50%	50%
4 th echo	200,00	15%	30%	30%
5 th echo	249,78	11%	22%	22%
6 th echo	299,86			15%

New gain (Initial gain +6dB): 42,0 dB

Echo	Base line (mm)	Amplitude >10%	Theoretical +6dB amplitude	Measured
2 nd echo	100,10	83%	166%	Over
3 rd echo	150,18	50%	100%	99%
4 th echo	200,00	30%	62%	62%
5 th echo	249,78	22%	44%	45%
6 th echo	299,86	15%	30%	30%
7 th echo	349,69			18%
8 th echo	400,03			12%

New gain (Initial gain +6dB): 48,0 dB

Echo	Base line (mm)	Amplitude >10%	Theoretical +6dB amplitude	Measured
3 rd echo	150,21	99%	198%	Over
4 th echo	200,00	62%	124%	Over
5 th echo	249,78	45%	90%	91%
6 th echo	299,86	30%	60%	60%
7 th echo	349,69	18%	36%	35%
8 th echo	400,03	12%	24%	24%

* Uncertainty: 1,3 %fs

Head Office: 23 Nguyen Thai Son, Ward 3, Govap Dist., Hochiminh City, Vietnam
 Hanoi Rep.: Room P306, Building Licogi 13-B, 164 Khuat Duy Tien ward, Ha Noi City, Vietnam
 Vungtau Rep.: Room B1715, Hodeco Building, Truong Van Bang st., Vung Tau city, Vietnam
 Quangnai Rep.: 538 Hai Ba Trung st., Quang Ngai province, Vietnam
 Email: info@quochuy.com Website: www.ndt.vn.com

Tel: +84.8 38940623 Fax: +84.8 38953579
 Tel: +84.4 37915881 Fax: +84.4 37915881
 Tel: +84.64 6252329 Fax: +84.64 6252329
 Tel: +84 (0) 933 394 245

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

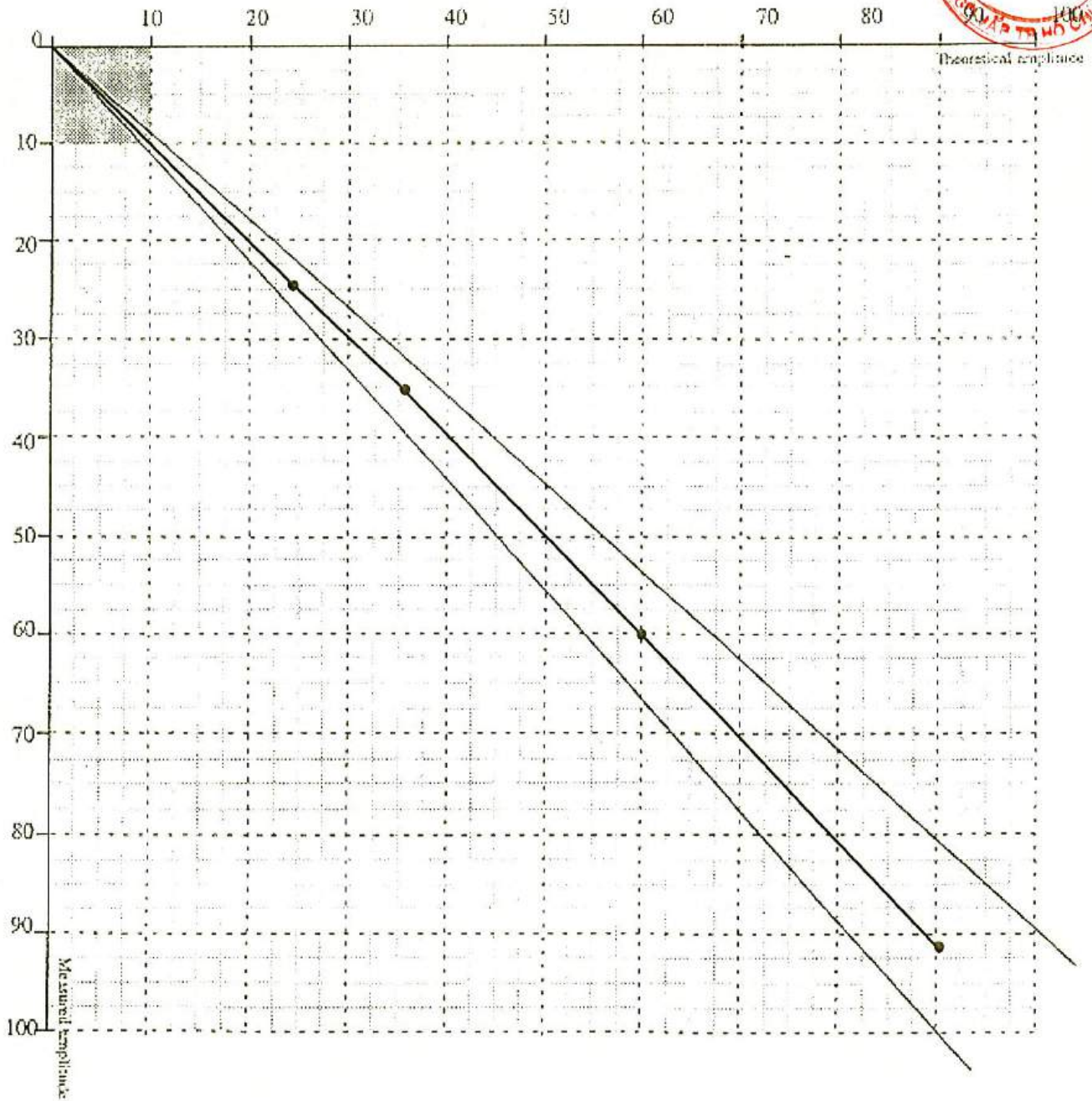
QH.CLAB/CERT/UT-2642

Trang/Page

5/8



3.3. Characteristic Curve of Amplifier



COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

Head Office: 23 Nguyen Thai Son, Ward 3, Govap Dist., Hochiminh City, Vietnam
Hanoi Rep.: Room P306, Building Licogi 13-B, 164 Khuat Duy Tien ward, Ha Noi City, Vietnam
Vungtau Rep.: Room B1715, Hodeco Building, Truong Van Bang st., Vung Tau city, Vietnam
Quangnai Rep.: 538 Hai Ba Trung st., Quang Ngai province, Vietnam
Email: info@quochuy.com Website: www.ndt.vn.com

Tel: +84.8 38940623 Fax: +84.8 38953579
Tel: +84.4 37915881 Fax: +84.4 37915881
Tel: +84.64 6252329 Fax: +84.64 6252329
Tel: +84 (0) 933 394 245

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2642

Trang/Page



3.4 Calibrated Amplifier Linearity

- Initial Gain of the 4th echo: 42.7 dB producing an amplitude of 80%.
- Initial Gain of the 3th echo: 40.6 dB producing an amplitude of 80%.
- Initial Gain of the 2th echo: 36,0 dB producing an amplitude of 80%.
- Initial Gain of the 1th echo: 30,0 dB producing an amplitude of 80%.

Echo	Echo number	Ref, Echo amplitude (%)	Theoretical amplitude in (%)	Measured amplitude in (%)	Difference in (%)
Ref, Echo - 6dB = 36,7 dB	4 th	80,0	40,0	40,0	0,0
- 6 dB = 30,7 dB	4 th	40,0	20,0	20,0	0,0
- 6 dB = 24,7 dB	4 th	20,0	10,0	10,0	0,0
- 6 dB = 18,7 dB	4 th	10,0	5,0	5,0	0,0
Ref, Echo - 6dB = 34,6 dB	3 rd	80,0	40,0	40,0	0,0
- 6 dB = 28,6 dB	3 rd	40,0	20,0	20,0	0,0
- 6 dB = 22,6 dB	3 rd	20,0	10,0	10,0	0,0
- 6 dB = 16,6 dB	3 rd	10,0	5,0	5,0	0,0
Ref, Echo - 6dB = 30,0 dB	2 nd	80,0	40,0	40,0	0,0
- 6 dB = 24,0 dB	2 nd	40,0	20,0	20,0	0,0
- 6 dB = 18,0 dB	2 nd	20,0	10,0	10,0	0,0
- 6 dB = 12,0 dB	2 nd	10,0	5,0	5,0	0,0
Ref, Echo - 6dB = 24,0 dB	1 st	80,0	40,0	40,0	0,0
- 6 dB = 18,0 dB	1 st	40,0	20,0	20,0	0,0
- 6 dB = 12,0 dB	1 st	20,0	10,0	10,0	0,0
- 6 dB = 6,0 dB	1 st	10,0	5,0	5,0	0,0

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

* Uncertainty: 1,3 %fs

Head Office: 23 Nguyen Thai Son, Ward 3, Govap Dist., Hochiminh City, Vietnam
 Hanoi Rep.: Room P306, Building Licogi 13-B, 164 Khuat Duy Tien ward, Ha Noi City, Vietnam
 Vungtau Rep.: Room B1715, Hodeco Building, Truong Van Bang st., Vung Tau city, Vietnam
 Quangnai Rep.: 538 Hai Ba Trung st., Quang Ngai province, Vietnam
 Email: info@quochuy.com Website: www.ndt.vn.com

Tel: +84.8 38940623 Fax: +84.8 38953579
 Tel: +84.4 37915881 Fax: +84.4 37915881
 Tel: +84.64 6252329 Fax: +84.64 6252329
 Tel: +84 (0) 933 394 245

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2642



4. Horizontal Linearity (Time Base)

a. CHECKING the 0 – 200 mm scale

Length of base line in mm: 200 mm, therefore 1% = 2 mm

Table 4.1

	Measured (mm)	
Echo 1 → 2	50,10	Max. dimension – Min. dimension = 50,10 – 49,82 = 0,28 mm
Echo 2 → 3	50,08	
Echo 3 → 4	49,82	

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

* Uncertainty: 0,21 mm

b. CHECKING the 0 – 500 mm scale

Length of base line in mm: 500 mm, therefore 1% = 5 mm

Table 4.2

	Measured (mm)	
Echo 1 → 2	99,90	Max. dimension – Min. dimension = 100,18 – 99,84 = 0,34 mm
Echo 2 → 3	99,84	
Echo 3 → 4	100,18	
Echo 4 → 5	99,96	

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

* Uncertainty: 0,19 mm

5. Resolving Power

Measured dimension in mm: 3,5 mm

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

6. Amplification Reserve

Initial gain in dB: 40,4 dB

Maximum gain reserve: 60,4 dB

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark: With the probe held "in the air" check there are no stray echoes exceeding 10% of the screen height after adding further 20 dB

Head Office: 23 Nguyen Thai Son, Ward 3, Govap Dist., Hochiminh City, Vietnam
Hanoi Rep.: Room P306, Building Licogi 13-B, 164 Khuat Duy Tien ward, Ha Noi City, Vietnam
Vungtau Rep.: Room B1715, Hodeco Building, Truong Van Bang st., Vung Tau city, Vietnam
Quangnai Rep.: 538 Hai Ba Trung st., Quang Ngai province, Vietnam
Email: info@quochuy.com Website: www.ndt.vn.com

Tel: +84.8 38940623 Fax: +84.8 38953579
Tel: +84.4 37915881 Fax: +84.4 37915881
Tel: +84.64 6252329 Fax: +84.64 6252329
Tel: +84 (0) 933 394 245

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION REPORT

QH.CLAB/CERT/UT-2642

Trang/Page
8/8

Conclusion:

The equipment is found to be met technical specifications as per QH.CLAB/QT/UT-03 at the time of calibration.

The inspector, Mr. Tran Dinh Tho certifies that the inspected equipment is:

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Originated at: Quoc Huy's Verification and Calibration Laboratory - Date: 07/02/2026

CALIBRATED BY



VILAS 885

Trần Đình Thọ

Date: 07/02/2026

APPROVED BY



Bùi Đăng Giang

Date: 07/02/2026

Head Office: 23 Nguyen Thai Son, Ward 3, Govap Dist., Hochiminh City, Vietnam
Hanoi Rep.: Room P306, Building Licogi 13-B, 164 Khuat Duy Tien ward, Ha Noi City, Vietnam
Vungtau Rep.: Room B1715, Hodeco Building, Truong Van Bang st., Vung Tau city, Vietnam
Quangnai Rep.: 538 Hai Ba Trung st., Quang Ngai province, Vietnam
Email: info@quochuy.com Website: www.ndt.vn.com

Tel: +84.8 38940623 Fax: +84.8 38953579
Tel: +84.4 37915881 Fax: +84.4 37915881
Tel: +84.64 6252329 Fax: +84.64 6252329
Tel: +84 (0) 933 394 245



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20846

Tên phương tiện đo (Object):

THIẾT BỊ THỬ CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG
BẰNG PHƯƠNG PHÁP BẬT NẤY

Kiểu : HT225

Số hiệu :

/

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Phạm vi đo (range) :

(10 ÷ 100) R

Technical Specification

- Giá trị vạch chia (Division) : 2 R

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : ĐLVN 150 : 2004

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nẩy - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

- Đe hiệu chuẩn trị số bật nẩy 80 R

Standards Used

by using calibration anvil 80 R

Điều kiện môi trường :

- Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(23± 2)

°C

Environmental conditions

Table with 8 columns: Kết quả, R1, R2, R3, R4, R5, RTB, Sai số tuyệt đối (Δ). Row 1: 81, 79, 82, 80, 81, 81, 1

Độ không đảm bảo đo (Expand Uncertainty) : U = 0,79

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 20846

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

13/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

13/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 14 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 20885**

Tên phương tiện đo (Object):

MÁY SIÊU ÂM BÊ TÔNG

CONCRETE ULTRASONIC TESTER

Kiểu : C369N

Số hiệu : C369N/AG/0097 Nơi sản xuất : Matest - Ý

Type

Serial No

Manufacturer

Italia

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range): 3000 μ s

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 0,1 μ s

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

KV3/QTHC- Đ03 : 2020

Máy siêu âm bê tông - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards Used) :

Thanh chuẩn (Standards) : 25,4 μ s

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : $(28 \pm 5) ^\circ\text{C}$

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : < 50%RH

Kết quả (Results) :

Sai số / Error : $\pm 0,1 \mu$ s

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 20885

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

21/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

21/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 23 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19448

Tên phương tiện đo / Object:

MÁY THỬ KÉO NÉN

UNIVERSAL TESTING MACHINE

Kiểu : WEW-1000B

Số hiệu : 090938

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo / Range : (0÷1000) kN

Technical Specification

-Vạch chia / Division : 0,01 kN

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn / Standards : KV3.L04-Chuẩn lực/Force Standars

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn / Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực / Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ / Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 19448

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

25/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 19448

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn	Sai số tương đối	Độ không đảm bảo đo mở rộng
Reading on tester (kN)	Average reading on equipment (kN)	Error(%)	Expanded uncertainty $k = 2; P = 95\%$
0	0,000	N/A	N/A
100	100,608	-0,60	0,40
200	200,558	-0,28	0,40
300	300,923	-0,31	0,40
400	400,623	-0,16	0,40
500	500,428	-0,09	0,40
600	601,558	-0,26	0,40
700	701,528	-0,22	0,40

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 1,0025x - 0,023$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cỡ chữ sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20911

Tên phương tiện đo (Object):

PHƯƠNG TIỆN ĐO ĐỘ DÀY LỚP PHỦ
COATING THICKNESS TESTER

Kiểu Elcometer 456

Số hiệu :

A456CFNFBSVD09030

Nơi sản xuất :

ELCONETER

Type

Serial No

Manufacturer

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range): (0÷1500) µm

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 0,1; 1µm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

KV3/QTHC- ĐD07 : 2019

Phương tiện đo độ dày lớp phủ - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Tấm chuẩn độ dày (Thickness foil)

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability):

TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực (Due date) :

10/09/2025

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 2) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 20911

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20911

(Attached to certificate No)

Stt	Tấm chuẩn (Calibration foil) (μm)	Giá trị đo được (Measurement) (μm)	Số hiệu chỉnh (Correction) (μm)	Độ không đảm bảo đo (The uncertainty of measurement) (μm)
1	0,0	0,0	0,0	0,00
2	23,3	23,4	-0,1	0,06
3	52,5	52,7	-0,2	0,06
4	123,3	123,6	-0,3	0,06
5	253,3	253,7	-0,4	0,06
6	472,0	473,0	-1,0	0,06
7	977,0	978,0	-1,0	0,06

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thực pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.
- Hiệu chuẩn trên vật liệu nền sắt
The substrate used for this calibration is made of iron.



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19897

Tên phương tiện đo / Object:

MÁY THỬ NÉN

COMPRESSION TESTING MACHINE

Kiểu : C055PD113

Số hiệu : C055PD113/AH/0006

Nơi sản xuất : Matest - Ý

Type

Serial No

Manufacturer Italia

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo / Range : (0÷2000) kN

Technical Specification

-Vạch chia / Division : 0,01 kN

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn / Standards : KV3.L04-Chuẩn lực/Force Standars

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn / Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực / Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ / Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 19897

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

16/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

16/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 19897

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester (kN)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment (kN)</i>	Sai số tương đối <i>Error(%)</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A	N/A
200	200,584	-0,29	0,40
400	400,830	-0,21	0,40
600	600,254	-0,04	0,40
800	800,394	-0,05	0,40
1000	1000,308	-0,03	0,40
1200	1201,098	-0,09	0,40
1400	1401,194	-0,09	0,40
1600	1602,296	-0,14	0,40
1800	1802,398	-0,13	0,40

Phương trình hiệu chuẩn (*The calibration equation*)

$$y = 1,0011x - 0,096$$

Với (*With*) y : Giá trị tính toán (*Calculated value*), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (*Reading value*), kN

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cỡ chữ sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20841

Tên phương tiện đo / Object:

THIẾT BỊ THỬ BÁM DÍNH

PULL OFF ADHESION TESTER

Kiểu : LR-P10

Số hiệu : L422080001

Nơi sản xuất : Langry

Type

Serial No

Manufacturer

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo / Range : (0÷10) kN

Technical Specification

-Vạch chia / Division : 0,001 kN

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn / Standards : KV3.L01-Chuẩn lực/Force Standards

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn / Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực / Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ / Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 20841

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

13/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

13/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 14 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20841

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn	Sai số tương đối	Độ không đảm bảo đo mở rộng
<i>Reading on tester (kN)</i>	<i>Average reading on equipment (kN)</i>	<i>Error(%)</i>	<i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,0000	N/A	N/A
1	1,0050	-0,50	0,40
2	2,0052	-0,26	0,40
3	3,0053	-0,18	0,40
4	4,0056	-0,14	0,40
5	5,0058	-0,12	0,40
6	6,0060	-0,10	0,40
7	7,0063	-0,09	0,40
8	8,0066	-0,08	0,40
9	9,0071	-0,08	0,40

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 1,0005x + 0,003$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21474

Tên phương tiện đo / Object:

MÁY THỬ NÉN

COMPRESSION TESTING MACHINE

Kiểu : YIM3000KN
Type

Số hiệu : YIM3000KN/AZ/0006 Nơi sản xuất : Matest - Ý
Serial No Manufacturer Italia

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo / Range : (0÷3000) kN
-Vạch chia / Division : 0,1 kN

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Lực kế chuẩn / Standards KV3.L04-Chuẩn lực/Force Standars
-Dẫn xuất chuẩn / Traceability: VMI - Viện đo lường
-Hiệu lực / Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ / Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 21474

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

27/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

27/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 28 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21474

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester (kN)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện <i>Average reading on equipment (kN)</i>	Sai số tương đối <i>Error(%)</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A	N/A
300	300,309	-0,10	0,40
600	600,818	-0,14	0,40
900	901,585	-0,18	0,40
1200	1201,259	-0,10	0,40
1500	1501,627	-0,11	0,40
1800	1801,930	-0,11	0,40
2100	2102,627	-0,12	0,40
2400	2403,327	-0,14	0,40
2700	2704,482	-0,17	0,40

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 1,0015x - 0,1647$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cỡ chữ sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21126

Tên phương tiện đo (Object):

THIẾT BỊ THỬ CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG
BẰNG PHƯƠNG PHÁP BẬT NẤY

Kiểu : / Số hiệu : 3599 Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range) : (10 ÷ 100) R

Technical Specification -Giá trị vạch chia (Division) : 2 R

Khách hàng : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place Số 14 Đường 11, P. Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : ĐLVN 150 : 2004

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nẩy - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : - Đe hiệu chuẩn trị số bật nẩy 80 R

Standards Used by using calibration anvil 80 R

Điều kiện môi trường : - Nhiệt độ (Ambient temperature) : (23± 2) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) : KV3 - 21126

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 22/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 22/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 22 tháng 07 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng

Date of issue

GIAM ĐỐC

Director



[Signature] Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21126

(Attached to certificate No)

Kết quả Results	R ₁	R ₂	R ₃	R ₄	R ₅	RTB	Sai số tuyệt đối (Δ)
	78	82	78	80	82	80	0

Độ không đảm bảo đo (Expand Uncertainty) : U = 1,31

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thực pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21889

Tên phương tiện đo (Object):

MÁY THỬ NÉN-UỐN

UNIVERSAL TESTING MACHINE

Kiểu : /

Số hiệu : /

Nơi sản xuất :

Việt Nam

Type

Serial No

Manufacturer

Vietnam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range): (0÷10000) N

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 1 N

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

DLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn (Standards): KV3.L01-Chuẩn lực/Force Standars

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực (Due date): 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 21889

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/09/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration):

25/09/2026

TP.HCM, Ngày 26 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Đỗ Thị Hiền

Trang/Page

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21889

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn	Sai số tương đối	Độ không đảm bảo đo mở rộng
<i>Reading on tester (N)</i>	<i>Average reading on equipment (N)</i>	<i>Error(%)</i>	<i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,0	0,00	0,00
1000	1000,1	-0,01	0,40
2000	1990,0	0,50	0,40
3000	2985,0	0,50	0,40
4000	3972,6	0,69	0,40
5000	4987,3	0,25	0,40
6000	5988,0	0,20	0,40
7000	6975,9	0,35	0,40
8000	7975,1	0,31	0,40
9000	8987,5	0,14	0,40

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22139

Tên phương tiện đo / Object:

MÁY THỬ NÉN

COMPRESSION TESTING MACHINE

Kiểu : ELE
Type

Số hiệu : 1886-1-4447
Serial No

Nơi sản xuất : ELE - Anh
Manufacturer England

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo / Range : (0÷1000);(1000÷2000) kN
-Vạch chia / Division : 0,1; 1 kN

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Lực kế chuẩn / Standards : KV3.L04-Chuẩn lực/Force Standars
-Dẫn xuất chuẩn / Traceability: VMI - Viện đo lường
-Hiệu lực / Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ / Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 22139

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

16/10/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :
Recalibration Date as Request of Customer

16/10/2026

TP.HCM, Ngày 17 tháng 10 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC
Director

Hò Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22135

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ ĐỘ MÀI MÒN**
Kiểu LM-8 Số hiệu : / Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Tốc độ quay danh nghĩa / Nominal speed : 300 rpm

Technical Specification

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**
Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : KV3/QTHC- TS02 : 2020

Phương tiện đo có cơ cấu quay - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng / Standards Used : -KV3.TS01- Chuẩn Tần số

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 10/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 5) °C

Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 20) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : 301,5 rpm

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) : KV3 - 22135

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 16/10/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration): 16/10/2026

TP.HCM, Ngày 17 tháng 10 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22139
(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester (kN)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment (kN)</i>	Sai số tương đối <i>Error(%)</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A	N/A
200	199,241	0,38	0,40
400	400,506	-0,13	0,40
600	600,903	-0,15	0,40
800	801,468	-0,18	0,40
1000	1002,284	-0,23	0,40
1200	1202,121	-0,18	0,40
1400	1403,806	-0,27	0,40
1600	1604,454	-0,28	0,40
1800	1805,254	-0,29	0,40

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 1,0032x - 0,8529$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thực pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 22137

Tên phương tiện đo (Object):

MÁY THỬ ĐỘ MÀI MÒN

Kiểu TM

Số hiệu :

1908062

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Tốc độ quay danh nghĩa / Nominal speed :

45 rpm

Technical Specification

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : KV3/QTHC- TS02 : 2020

Phương tiện đo có cơ cấu quay - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng / Standards Used : -KV3.TS01- Chuẩn Tần số

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 10/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 5) °C

Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 20) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): 45,5 rpm

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 22137

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

16/10/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration):

16/10/2026

TP.HCM, Ngày 17 tháng 10 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

1 / 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22761

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY ĐO CHIỀU DÀY LỚP PHỦ**
COATING THICKNESS TESTER

Kiểu A456CFBS Số hiệu : WD32374 Nơi sản xuất : ELCOMETER- Anh
 Type Serial No Manufacturer England

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range) : (0÷99,9);(99,9÷1500)µm
 Technical Specification -Vạch chia (Division) : 0,1; 1µm

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
 Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : **KV3/QTHC- ĐD07 : 2019**

Máy đo chiều dày lớp phủ - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Tấm chuẩn độ dày
 Standards Used -Dẫn xuất chuẩn (Traceability): TTTCĐLCL 2 - ĐK 38
 10/09/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C
 Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 2) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) : **KV3 - 22761**

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : **10/12/2025**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration) : **10/12/2026**

TP.HCM, Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC
 Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22761

(Attached to certificate No)

Stt	Tấm chuẩn (Calibration foil) (μm)	Giá trị đo được (Measurement) (μm)	Số hiệu chỉnh (Correction) (μm)	Độ không đảm bảo đo (The uncertainty of measurement) (μm)
1	0,00	0,0	0,0	0,00
2	23,3	23,5	-0,2	0,06
3	52,5	52,6	-0,1	0,06
4	123,3	123,0	0,3	0,58
5	253,3	254,0	-0,7	0,58
6	472,0	473,0	-1,0	0,58
7	977,0	979,0	-2,0	0,58

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thủ pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cờ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22761

Tên phương tiện đo (Object):

MÁY ĐO CHIỀU DÀY LỚP PHỦ

COATING THICKNESS TESTER

Kiểu A456CFBS
 Type

Số hiệu : WD32374
 Serial No

Nơi sản xuất : ELCOMETER- Anh
 Manufacturer England

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
 Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷99,9);(99,9÷1500)µm
 -Vạch chia (Division) : 0,1; 1µm

Khách hàng :
 Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :
 Calibration Place

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD07 : 2019

Máy đo chiều dày lớp phủ - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
 Standards Used

-Tám chuẩn độ dày
 -Dẫn xuất chuẩn (Traceability): TTTCĐLCL 2 - ĐK 38
 10/09/2026

Điều kiện môi trường :
 Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C
 -Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 2) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 22761

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) :

10/12/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration) :

10/12/2026

TP.HCM, Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Phó Giám Đốc

Hồ Thị Kiên

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22761

(Attached to certificate No)

Stt	Tấm chuẩn (Calibration foil) (μm)	Giá trị đo được (Measurement) (μm)	Số hiệu chỉnh (Correction) (μm)	Độ không đảm bảo đo (The uncertainty of measurement) (μm)
1	0,00	0,0	0,0	0,00
2	23,3	23,5	-0,2	0,06
3	52,5	52,6	-0,1	0,06
4	123,3	123,0	0,3	0,58
5	253,3	254,0	-0,7	0,58
6	472,0	473,0	-1,0	0,58
7	977,0	979,0	-2,0	0,58

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%

(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20989

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THÂM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 161105
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range :
-Vạch chia /Division :

(0 ÷ 4) MPa
0,05 MPa

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator :

KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability:

TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date :

10/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity :

< 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:

Có / Yes

Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 20989

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Pag 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20989

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising Mpa</i>	<i>P giảm /Falling MPa</i>
0,0	0,000	0,000
0,5	0,504	0,508
1,0	1,008	1,012
1,5	1,512	1,516
2,0	2,014	2,018
2,5	2,519	2,523
3,0	3,023	3,027

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$

(*Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$*)



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20990

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 170589
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range :

(0 ÷ 4) MPa

-Vạch chia /Division :

0,05 MPa

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability:

TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date :

10/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity :

< 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:



Có / Yes



Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 20990

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

[Signature]

Thị Hiền

Trang/Pag 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20990
(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising Mpa</i>	<i>P giảm /Falling MPa</i>
0,0	0,000	0,000
0,5	0,512	0,516
1,0	1,019	1,023
1,5	1,523	1,527
2,0	2,024	2,028
2,5	2,531	2,535
3,0	3,042	3,046

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$
(*Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$*)

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20991

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống Số hiệu : 151105 Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Bourdon Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo /range : (0 ÷ 4) MPa

Technical Specification -Vạch chia /Division : 0,05 MPa

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C

Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : < 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment: Có / Yes Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 20991

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration: 07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Pag_{1/2}

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20991

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising</i> <i>Mpa</i>	<i>P giảm /Falling</i> <i>MPa</i>
MPa		
0,0	0,000	0,000
0,5	0,497	0,498
1,0	0,995	0,996
1,5	1,492	1,493
2,0	1,988	1,989
2,5	2,486	2,487
3,0	2,982	2,983

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$

(Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$)

Ghi chú/Notes :

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
- **2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2**
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The quantity values are calibrated as request of customer.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cỡ số sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20992

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 16654
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range :
-Vạch chia /Division :

(0 ÷ 4) MPa
0,05 MPa

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity : < 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:

Có / Yes Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 20992

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Pag 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20992

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising Mpa</i>	<i>P giảm /Falling MPa</i>
0,0	0,000	0,000
0,5	0,506	0,507
1,0	1,008	1,009
1,5	1,509	1,510
2,0	2,012	2,013
2,5	2,515	2,516
3,0	3,019	3,020

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$

(*Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$*)



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20993

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 110113
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range :
-Vạch chia /Division :

(0 ÷ 4) MPa
0,05 MPa

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity : < 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:

Có / Yes Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 20993

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 20994

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 11107
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range :
-Vạch chia /Division :

(0 ÷ 4) MPa
0,05 MPa

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator :
-Dẫn xuất chuẩn /Traceability :

KV3.AS01-Chuẩn Áp suất
TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature :
-Độ ẩm /Relative humidity :

(25 ± 2) °C
< 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:

Có / Yes Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 20994

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20994

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising Mpa</i>	<i>P giảm /Falling MPa</i>
MPa		
0,0	0,000	0,000
0,5	0,515	0,513
1,0	1,018	1,016
1,5	1,521	1,519
2,0	2,023	2,021
2,5	2,525	2,523
3,0	3,028	3,026

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$

(*Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$*)

Ghi chú/Notes :

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
- **2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2**
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The quantity values are calibrated as request of customer.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.



Trang/Pages: 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20995

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 10528
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range :
-Vạch chia /Division :

(0 ÷ 4) MPa
0,05 MPa

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration:

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity : < 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:

Có / Yes Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 20995

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20995

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising Mpa</i>	<i>P giảm /Falling MPa</i>
MPa		
0,0	0,000	0,000
0,5	0,504	0,506
1,0	1,007	1,009
1,5	1,510	1,512
2,0	2,012	2,014
2,5	2,514	2,516
3,0	3,017	3,019

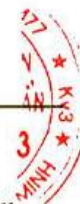
Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$

(*Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$*)

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20996

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 10804
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range :
-Vạch chia /Division :

(0 ÷ 4) MPa
0,05 MPa

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator :

KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability:

TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date :

10/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity :

< 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:

Có / Yes

Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 20996

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20996

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn Reading value MPa	Giá trị áp suất chuẩn Standard pressure	
	P tăng /Rising Mpa	P giảm /Falling MPa
0,0	0,000	0,000
0,5	0,504	0,506
1,0	1,007	1,009
1,5	1,510	1,512
2,0	2,012	2,014
2,5	2,514	2,516
3,0	3,017	3,019

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$

(Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$)

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20997

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 11203
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range :
-Vạch chia /Division :

(0 ÷ 4) MPa
0,05 MPa

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity : < 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:

Có / Yes Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 20997

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20997

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn Reading value MPa	Giá trị áp suất chuẩn Standard pressure	
	P tăng /Rising Mpa	P giảm /Falling MPa
0,0	0,000	0,000
0,5	0,492	0,480
1,0	0,995	0,983
1,5	1,498	1,486
2,0	1,988	1,975
2,5	2,477	2,465
3,0	2,980	2,968

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,14 \%$

(Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,14 \%$)



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20998

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THÂM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 110114
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range :
-Vạch chia /Division :

(0 ÷ 4) MPa
0,05 MPa

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration:

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator :

KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability:

TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date :

10/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity :

< 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:



Có / Yes



Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 20998

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20998

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising Mpa</i>	<i>P giảm /Falling MPa .</i>
0,0	0,000	0,000
0,5	0,496	0,498
1,0	0,994	0,996
1,5	1,492	1,494
2,0	1,990	1,992
2,5	2,490	2,492
3,0	2,983	2,985

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$

(*Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$*)

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





Quoc Huy Technique Co Ltd.
Since 1999

Verification and Calibration Laboratory

Quoc Huy Technique Co. Ltd

VILAS 885 - Registered Number: ĐK-180

Trang/Page
1/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Chứng nhận thử nghiệm số/ Certificate No.
QH.CLAB/CERT/MT-2618

Ngày thử nghiệm/ Date of Testing
03/02/2026

Tên đối tượng: Thiết bị gông từ
Object: Magnetic Yoke

Kiểu/ Type
MP-A2L

Số hiệu/ Serial No.
3428

Nhà sản xuất/ Manufacturer
KYUNG DO - Korea

Cơ sở sử dụng/ Customer: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KĐ NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

Địa chỉ/ Address: 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp Hồ Chí Minh

Phương pháp thử nghiệm/ Method of Testing: QH.CLAB/QT/MT-08 (ASTM E 1444M-22a)

Nơi thử nghiệm/ Place of Testing: Phòng Kiểm định và Hiệu chuẩn Quốc Huy

Địa chỉ/ Address: 23 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

Điều kiện môi trường/ Environmental condition: 23°C - 52%RH

Hiệu chỉnh/ Adjust: Không hiệu chỉnh phương tiện đo/ Not adjusted
Có hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjusted



Tình trạng khi nhận/ Condition when received: Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification

Tình trạng khi thử nghiệm/ Condition at the time of testing: Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification

Chuẩn và Thiết bị sử dụng/
Measurement Standard and Equipment Used

Số hiệu/
Serial No.

Ngày hiệu chuẩn/
Calibration Date

Hiệu lực đến/
Due Date

1/Weight Lift Test Block Magnaflux

471

19/11/2025

19/11/2026

Ngày đề nghị thử nghiệm tiếp theo/ Retesting date should be recommended: 02/02/2027

Kết quả thử nghiệm/ Result of Testing: Xem kết quả ở các trang sau/ See result in next pages

Người thử nghiệm
Calibrated by



Trần Đình Hùng
Phòng KD - HC
Verification and Calibration Laboratory

Người duyệt
Reviewed/ Approved by


Bùi Đăng Giang
Trưởng phòng KD-HC
Head of Laboratory

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu kết quả này chỉ có giá trị với thiết bị đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây.
The test results in this report are applicable to the above tested instrument only.
- Không được trích sao 1 phần phiếu thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng Kiểm Định và Hiệu Chuẩn Quốc Huy.
This test results shall not be reproduced without the written approval of Quoc Huy Verification and Calibration Laboratory.
- Tên khách hàng được ghi theo phiếu yêu cầu thử nghiệm.
Name of customer is written as test request form.



TESTING REPORT

No: MT-2618

Instrument: Magnetic Yoke
Model: MP-A2L
Serial number: 3428
Testing date: 03/02/2026
Testing Due Date: 02/02/2027
Testing Procedure: QH.CLAB/QT/MT-08 (ASTM E 1444M-22a)
Measurement Standard Used:

Equipment	Serial Nuber	Calib.Date	Due Date
1/Weight Lift Test Block Magnaflux	471	05/11/2024	05/11/2025

Environmental Condition:

Temperature: 23°C

Humidity: 52%

1. Physical State and External Aspects

Visually inspect the outside of the instrument for physical damage.

No.	Physical state and external aspects	Status	Note
1	Housing Equipment	Good	
2	Electric Cable	Good	
3	Legs	Good	
4	Serial Number/ Part Number/ Model	Good	

COMPLIANT



NON-COMPLIANT



Remark:

2. Test result: Lifting capacity

2.1. AC Lifting Capacity

No.	Pole Leg Spacing (mm)	Weight (kg)	Yes	No
1	50	4,5	✓	
2	100	4,5	✓	
3	150	4,5	✓	

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

2.2. DC Lifting Capacity (N-A)

No.	Pole Leg Spacing (mm)	Weight (kg)	Yes	No
1	50	4,5		
2	100	13,5		
3	100	22,5		
4	150	22,5		

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

Conclusion:

The equipment is found to be met technical specifications as per QH.CLAB/QT/MT-08 at the time of Testing.

The inspector, Mr. Tran Dinh Tho certifies that the inspected equipment is:

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Originated at: Quoc Huy's Verification and Calibration Laboratory - Date: 03/02/2026

CALIBRATED BY



VILAS 635
Trần Đình Thọ
Date: 03/02/2026

APPROVED BY



Bùi Đăng Giang
Date: 03/02/2026



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số (No): KV3 - 24060

Tên phương tiện đo / Object:

MÁY THỬ KÉO-NÉN

UNIVERSAL TESTING MACHINE

Kiểu : WE-1000B
 Type

Số hiệu : 1812375X
 Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
 Technical Specification

-Phạm vi đo / Range : (0÷1000) kN
 -Vạch chia / Division : 0,01 kN

Khách hàng :
 Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :
 Calibration Place

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration:

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
 Standards Used

-Lực kế chuẩn / Standards : KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standards
 -Dẫn xuất chuẩn / Traceability: VMI - Viện đo lường
 -Hiệu lực / Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :
 Environmental conditions

-Nhiệt độ / Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 24060

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

17/01/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :
 Recalibration Date as Request of Customer

17/01/2027

TP.HCM, Ngày 18 tháng 01 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24060

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn	Sai số tương đối	Độ không đảm bảo đo mở rộng
<i>Reading on tester (kN)</i>	<i>Average reading on equipment (kN)</i>	<i>Error(%)</i>	<i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A	N/A
100	100,260	-0,26	0,40
200	200,544	-0,27	0,40
300	300,701	-0,23	0,40
400	400,602	-0,15	0,40
500	500,536	-0,11	0,40
600	600,538	-0,09	0,40
700	701,421	-0,20	0,40
800	801,568	-0,20	0,40

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 1,0021x - 0,094$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



Quoc Huy Technique Co Ltd.
Since 1999

Verification and Calibration Laboratory

Quoc Huy Technique Co. Ltd

VILAS 885 - Registered Number: ĐK-180

Trang/Page
1/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Chứng nhận thử nghiệm số/ Certificate No.
QH.CLAB/CERT/MT-2559

Ngày thử nghiệm/ Date of Testing
02/05/2025

Tên đối tượng: Thiết bị gông từ
Object: Magnetic Yoke

Kiểu/ Type
MP-A2L

Số hiệu/ Serial No.
MP 2164

Nhà sản xuất/ Manufacturer
KYUNG DO - Korea

Cơ sở sử dụng/ Customer: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KĐ NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

Địa chỉ/ Address: 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh

Phương pháp thử nghiệm/ Method of Testing: QH.CLAB/QT/MT-08 (ASTM E 1444M-22a)

Nơi thử nghiệm/ Place of Testing: Phòng Kiểm định và Hiệu chuẩn Quốc Huy

Địa chỉ/ Address: 23 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

Điều kiện môi trường/ Environmental condition: 23°C - 51%RH

Hiệu chỉnh/ Adjust: Không hiệu chỉnh phương tiện đo/ Not adjusted
Có hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjusted

Tình trạng khi nhận/ Condition when received: Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification

Tình trạng khi thử nghiệm/ Condition at the time of testing: Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification

Chuẩn và Thiết bị sử dụng/ Measurement Standard and Equipment Used	Số hiệu/ Serial No.	Ngày hiệu chuẩn/ Calibration Date	Hiệu lực đến/ Due Date
I/Weight Lift Test Block Magnaflux	471	05/11/2024	05/11/2025

Ngày đề nghị thử nghiệm tiếp theo/ Retesting date should be recommended: 01/05/2026

Kết quả thử nghiệm/ Result of Testing: Xem kết quả ở các trang sau/ See result in next pages

Người thử nghiệm
Calibrated by



VILAS 885
Trần Đình Thọ
Phòng KĐ - HC

Verification and Calibration Laboratory

Người duyệt
Reviewed/ Approved by

Reviewed/ Approved by



Bùi Đăng Giang
Trưởng phòng KĐ-HC
Head of Laboratory

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu kết quả này chỉ có giá trị với thiết bị đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây.
The test results in this report are applicable to the above tested instrument only.
- Không được trích sao 1 phần phiếu thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng Kiểm Định và Hiệu Chuẩn Quốc Huy.
This test results shall not be reproduced without the written approval of Quoc Huy Verification and Calibration Laboratory.
- Tên khách hàng được ghi theo phiếu yêu cầu thử nghiệm.
Name of customer is written as test request form.

TESTING REPORT

No: MT-2559

Instrument: Magnetic Yoke
Model: MP-A2L
Serial number: MP 2164
Testing date: 02/05/2025
Testing Due Date: 01/05/2026
Testing Procedure: QH.CLAB/QT/MT-08 (ASTM E 1444M-22a)
Measurement Standard Used:

Equipment	Serial Nuber	Calib.Date	Due Date
1/Weight Lift Test Block Magnaflux	471	05/11/2024	05/11/2025

Environmental Condition:

Temperature: 23°C
Humidity: 51%

1. Physical State and External Aspects

Visually inspect the outside of the instrument for physical damage.

No.	Physical state and external aspects	Status	Note
1	Housing Equipment	Good	
2	Electric Cable	Good	
3	Legs	Good	
4	Serial Number/ Part Number/ Model	Good	

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

SỐ 1035
NG TY
KỶ THUẢ
C HUY
D HỒ CHỈ

2. Test result: Lifting capacity

2.1. AC Lifting Capacity

No.	Pole Leg Spacing (mm)	Weight (kg)	Yes	No
1	50	4,5	✓	
2	100	4,5	✓	
3	150	4,5	✓	

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

2.2. DC Lifting Capacity (N-A)

No.	Pole Leg Spacing (mm)	Weight (kg)	Yes	No
1	50	4,5		
2	100	13,5		
3	100	22,5		
4	150	22,5		

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

Conclusion:

The equipment is found to be met technical specifications as per QH.CLAB/QT/MT-08 at the time of Testing.

The inspector, Mr. Tran Dinh Tho certifies that the inspected equipment is:

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Originated at: Quoc Huy's Verification and Calibration Laboratory - Date: 02/05/2025

CALIBRATED BY



VILAS 885

Trần Đình Thọ

Date: 02/05/2025

APPROVED BY



Bùi Đăng Giang

Date: 02/05/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 19431

Tên phương tiện đo / Object:

MÁY THỬ KÉO NÉN

UNIVERSAL TESTING MACHINE

Kiểu : WE-1000B

Số hiệu : 1812375X

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo / Range : (0÷1000) kN

Technical Specification

-Vạch chia / Division : 0,01 kN

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn / Standards : KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standards

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn / Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực / Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ / Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 / See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 19431

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

10/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

10/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Ho Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 19431
(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn	Sai số tương đối	Độ không đảm bảo đo mở rộng
<i>Reading on tester (kN)</i>	<i>Average reading on equipment (kN)</i>	<i>Error (%)</i>	<i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A	N/A
100	100,146	-0,15	0,40
200	200,424	-0,21	0,40
300	300,076	-0,03	0,40
400	400,957	-0,24	0,40
500	501,627	-0,32	0,40
600	601,497	-0,25	0,40
700	701,696	-0,24	0,40
800	801,307	-0,16	0,40

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 1,0022x - 0,0333$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvac3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20718

Tên phương tiện đo (Object):

CẢM BIẾN LỰC
LOAD CELL

Kiểu : VMC
Type

Số hiệu : 5165021131
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range): (0÷5) kN
-Vạch chia (Division): 0,01 N

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Lực kế chuẩn (Standards): KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standars
-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): VMI - Viện đo lường
-Hiệu lực (Due date): 30/09/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 20718

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

04/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

04/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 05 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20718

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester (kN)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment (kN)</i>	Sai số <i>Error(%)</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0,0	0,000	0,00	0,00
0,5	0,500	0,05	0,17
1,0	1,001	-0,11	0,13
1,5	1,501	-0,04	0,13
2,0	2,000	-0,01	0,12
2,5	2,503	-0,11	0,12
3,0	2,994	0,19	0,12
3,5	3,504	-0,11	0,12
4,0	4,010	-0,24	0,12

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 1,0012x - 0,0009$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN
x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19648

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ ĐO ĐỘ CỨNG
DUROMETER

Kiểu : HS-A
Type

Số hiệu : 036889
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) :
-Vạch chia (Division) :

(0÷100) HA
1 HA

Cơ sở sử dụng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

JIS S 6050:2002

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn (Standards): KV3.L01-Chuẩn lực

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực (Due date) : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (60 ± 2) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19648

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

05/07/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration):

05/07/2026

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 19648

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester(HA)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment (N)</i>	Độ KĐBĐ mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	0,00
10	1,375	0,79
20	2,101	0,58
30	2,827	0,49
40	3,554	0,44
50	4,280	0,41
60	5,007	0,39
70	5,733	0,38
80	6,460	0,37
90	7,186	0,37

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 0,0829x$$

Với (With)

y : Giá trị tính toán (Calculated value), N

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), HA



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 21111

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỦ THẨM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 20564
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range :
-Vạch chia /Division :

(0 ÷ 4) MPa
0,05 MPa

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm /Relative humidity : < 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:

Có / Yes Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 21111

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Pag 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21111

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising</i> <i>Mpa</i>	<i>P giảm /Falling</i> <i>MPa</i>
0,0	0,000	0,000
0,5	0,499	0,497
1,0	0,999	0,996
1,5	1,497	1,494
2,0	1,994	1,992
2,5	2,494	2,492
3,0	2,987	2,985

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$

(*Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$*)



Ghi chú/Notes :

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
- **2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2**
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The quantity values are calibrated as request of customer.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cỡ số sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 21116**

Tên phương tiện đo /Object: **ÁP KẾ MÁY THỦ THẨM**
PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống Số hiệu : 16846 Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Bourdon Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo /range : (0 ÷ 4) MPa
Technical Specification -Vạch chia /Division : 0,05 MPa

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : **KV3/QTHC-AS01 : 2019**

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C

Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity: < 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment: Có / Yes Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : **KV3 - 21116**

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration: 07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/2 *Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).*

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21116

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising Mpa</i>	<i>P giảm /Falling MPa</i>
0,0	0,000	0,000
0,5	0,506	0,508
1,0	1,009	1,012
1,5	1,513	1,515
2,0	2,015	2,018
2,5	2,520	2,522
3,0	3,022	3,024

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$

(*Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$*)

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21121

Tên phương tiện đo /Object: ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM
PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống Số hiệu : 191037 Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Bourdon Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo /range : (0 ÷ 4) MPa
Technical Specification -Vạch chia /Division : 0,05 MPa

Khách hàng : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất

Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: TTTCĐLCL 2 - ĐK 38

-Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C

Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : < 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment: □ Có / Yes ☑ Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21121

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration: 07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Pag 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

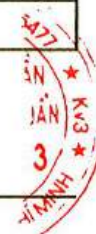
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21121

(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising</i> <i>Mpa</i>	<i>P giảm /Falling</i> <i>MPa</i>
MPa		
0,0	0,000	0,000
0,5	0,510	0,512
1,0	1,014	1,016
1,5	1,517	1,519
2,0	2,020	2,022
2,5	2,524	2,526
3,0	3,026	3,029

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$

(*Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$*)



Ghi chú/Notes :

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The quantity values are calibrated as request of customer.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24314

Tên phương tiện đo (Object):

CÂN TỶ TRỌNG BÙN

MUD BALANCE

Kiểu : OFITE

Số hiệu : /

Nơi sản xuất :

Mỹ

Type

Serial No

Manufacturer

USA

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: - Phạm vi đo / *Measuring range*: (0,78 – 2,78) g/cm³

Technical Specification - Giá trị vạch chia nhỏ nhất / *Division*: 0,01 g/cm³

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): So sánh trực tiếp/ *Direct comparison*

Chuẩn được sử dụng (*Standards Used*): Bộ quả cân chuẩn F1/*Mass standards; class F1*

Ống đong/*Measuring cylinder*

Cân điện tử cấp 2/*Electronic Balance; class 2*

Kết quả (*Results*):

Sai số / *error* : ± 0,01 %

Tem hiệu chuẩn (*Calibration Label*):

KV3 - 24314

Ngày hiệu chuẩn (*Date of calibration*):

27/01/2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recommended recalibration*):

27/01/2027

TP.HCM, Ngày 28 tháng 01 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



KT. GIÁM ĐỐC

Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20717

Tên phương tiện đo / Object :	CÂN ĐIỆN TỬ /	<i>ELECTRONIC BALANCE</i>
Kiểu : HSN-15C	Số hiệu : 20250522N00367	Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type	Serial No	Manufacturer China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường :	- Mức cân lớn nhất /Max capacity:	15.000 g
Technical Specification	- Mức cân nhỏ nhất /Min capacity:	25,0 g
	- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division :	0,5 g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**
Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019
Cân kỹ thuật và cân thông dụng - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental conditions :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(05;06;07;)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/05/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 20717

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 04/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 04/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 05 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC
Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

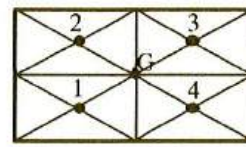
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20717
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,0	0,0	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21178

Tên phương tiện đo / Object : CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE
Kiểu : RJ-ACS-5027 Số hiệu : 251240056 Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Serial No Manufacturer China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 15.000 g
Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 25,0 g
- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division: 0,5 g

Khách hàng : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
Customer XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental condition:

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23±28) °C

- Độ ẩm /Relative humidity : (30±80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31

- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21178

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 01/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 01/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 02 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

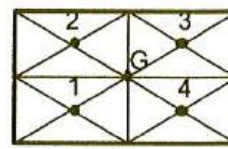
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21178
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,0	0,0	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21179

Tên phương tiện đo / Object : CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE
Kiểu : RJ-ACS-5027 Số hiệu : 251240050 Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Serial No Manufacturer China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 15.000 g
Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 25,0 g
- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division : 0,5 g

Khách hàng : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
Customer XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental condition :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21179

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 01/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 01/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 02 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

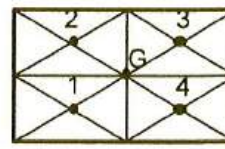
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21179
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,5	0,5	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21180

Tên phương tiện đo / Object :	CÂN ĐIỆN TỬ / <i>ELECTRONIC BALANCE</i>		
Kiểu : RJ-ACS-5027	Số hiệu : 251240044	Nơi sản xuất	Trung Quốc
Type	Serial No	Manufacturer	China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường :	- Mức cân lớn nhất /Max capacity:	15.000	g
Technical Specification	- Mức cân nhỏ nhất /Min capacity:	25,0	g
	- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division:	0,5	g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental condition :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23±28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30±80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21180

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 01/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 01/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 02 tháng 08 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

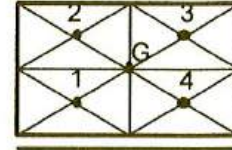
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21180
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,5	0,5	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 21558**

Tên phương tiện đo / Object :	CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE		
Kiểu : RJ-ACS-5027	Số hiệu : 251240041	Nơi sản xuất	Trung Quốc
Type	Serial No	Manufacturer	China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường :	- Mức cân lớn nhất /Max capacity:	15.000	g
Technical Specification	- Mức cân nhỏ nhất /Min capacity:	25,0	g
	- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division :	0,5	g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental condition.:

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21558

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 08/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 08/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21558

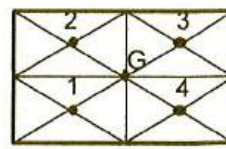
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,5	0,5	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21556

Tên phương tiện đo / Object :	CÂN ĐIỆN TỬ / <i>ELECTRONIC BALANCE</i>		
Kiểu : RJ-ACS-5027	Số hiệu : 251240054	Nơi sản xuất	Trung Quốc
Type	Serial No	Manufacturer	China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường :	- Mức cân lớn nhất /Max capacity:	15.000	g
Technical Specification	- Mức cân nhỏ nhất /Min capacity:	25,0	g
	- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division :	0,5	g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental condition :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23±28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30±80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21556

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 08/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 08/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

Date of issue
GIAM ĐỐC
Director
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Hồ Thị Hiền



Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

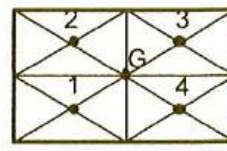
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21556
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,0	0,0	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21557

Tên phương tiện đo / Object :	CÂN ĐIỆN TỬ /	<i>ELECTRONIC BALANCE</i>
Kiểu : RJ-ACS-5027	Số hiệu : 251240052	Nơi sản xuất Trung Quốc
Type	Serial No	Manufacturer China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường :	- Mức cân lớn nhất /Max capacity:	15.000 g
Technical Specification	- Mức cân nhỏ nhất /Min capacity:	25,0 g
	- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division :	0,5 g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental condition :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21557

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 08/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 08/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

Date of issue
GIAM ĐỐC
Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21557

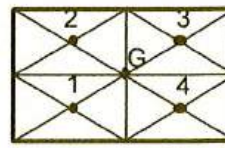
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,5	0,5	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21499

Tên phương tiện đo / Object :	CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE		
Kiểu : HAW-15	Số hiệu : BPS22043016	Nơi sản xuất	Trung Quốc
Type	Serial No	Manufacturer	China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường :	- Mức cân lớn nhất /Max capacity:	15.000	g
Technical Specification	- Mức cân nhỏ nhất /Min capacity:	25,0	g
	- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division :	0,5	g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental condition :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C

- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31

- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21499

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 04/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 04/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 05 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

Date of issue
GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21499

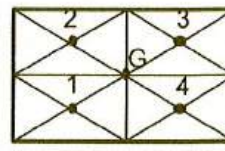
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /*Repeatability* : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /*Standard deviation* : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /*Eccentricity difference* :

Mức tải <i>Load</i> (g)	Vị trí đặt tải <i>Load position</i>	Sai lệch <i>Difference</i> (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /*Calibrated loads* :

Mức tải <i>Load</i> (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading value on the object</i> (g)	Sai số <i>Error</i> (g)	Độ không đảm bảo đo <i>The uncertainty of measurement</i> (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,5	0,5	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(*The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level.*)

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvu3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21500

Tên phương tiện đo / Object :	CÂN ĐIỆN TỬ / <i>ELECTRONIC BALANCE</i>		
Kiểu : HAW-15	Số hiệu : BPS25011510	Nơi sản xuất	Trung Quốc
Type	Serial No	Manufacturer	China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường :	- Mức cân lớn nhất /Max capacity:	15.000	g
Technical Specification	- Mức cân nhỏ nhất /Min capacity:	25,0	g
	- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division :	0,5	g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental condition:

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23±28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30±80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21500

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 04/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 04/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 05 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

Date of issue
GIÁM ĐỐC
Director
Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21500

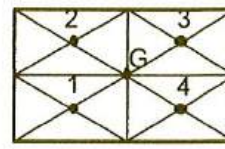
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,0	0,0	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21894

Tên phương tiện đo / Object : CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE
Kiểu : LAVE Số hiệu : / Nơi sản xuất Trung Quốc
Type Serial No Manufacturer China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 30.000 g
Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 50,0 g
- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division: 1 g

Khách hàng : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
Customer XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : PHÒNG THÍ NGHIỆM
Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental conditio :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21894

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 25/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 25/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Date of issue
GIAM ĐỐC
Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

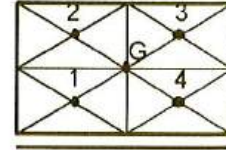
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21894
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=20000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
10.000	G	0
	1	0
	2	0
	3	0
	4	0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0	0	N/A
1.000	1.000	0	0,6
2.000	2.000	0	0,6
5.000	5.000	0	0,6
10.000	10.000	0	0,6
20.000	20.000	0	0,6
30.000	30.000	0	0,6

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22099

Tên phương tiện đo / Object: CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE

Kiểu : HSW-15C Số hiệu : 20251008D22N00955 Nơi sản xuất : Đài Loan
Type Serial No Manufacturer Taiwan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 15.000 g
Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 25,0 g
- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division: 0,5 g

Khách hàng : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
Customer XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental conditio :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 22099

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 10/10/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 10/10/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 10 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

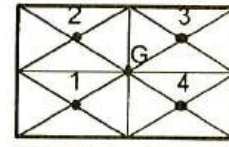
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22099
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability: P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,5	0,5	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22138

Tên phương tiện đo / Object : CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE
Kiểu : LAVE Số hiệu : / Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Serial No Manufacturer China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 30.000 g
Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 50,0 g
- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division : 1 g

Khách hàng : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
Customer XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental conditions :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 22138

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 16/10/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 16/10/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 17 tháng 10 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Ho Thi Hien

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

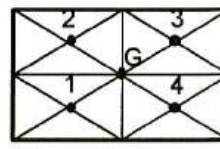
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22138
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=20000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
10.000	G	0
	1	0
	2	0
	3	0
	4	0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0	0	N/A
1.000	1.000	0	0,6
2.000	2.000	0	0,6
5.000	5.000	0	0,6
10.000	10.000	0	0,6
20.000	20.000	0	0,6
30.000	30.001	1	0,6

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 22732**

Tên phương tiện đo (Object):

MÁY THỬ NÉN

COMPRESSION TESTING MACHINE

Kiểu : HCL-300
 Type

Số hiệu : /
 Serial No

Nơi sản xuất : Việt Nam
 Manufacturer Vietnam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range) :
 Technical Specification -Vạch chia (Division) :

(0÷30);(0÷300) kN
 0,01; 0,01 kN

Khách hàng :
 Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh
 PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nơi hiệu chuẩn :
 Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
 Standards Used

-Lực kế chuẩn (Standards): KV3.L01-Chuẩn lực/Force Standards
 KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standards
 -Dẫn xuất chuẩn(Traceability): VMI - Viện đo lường
 -Hiệu lực (Due date) : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :
 Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 22732

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

10/12/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

10/12/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page
 1 / 3

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22732

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester (kN)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment (kN)</i>	Sai số tương đối <i>Error(%)</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
Phạm vi đo/Range: (0 ÷ 30)kN			
0	0,000	N/A	N/A
3	2,994	0,20	0,43
6	6,005	-0,08	0,40
9	9,016	-0,18	0,40
12	12,020	-0,17	0,40
15	15,031	-0,21	0,40
18	18,046	-0,26	0,40
21	21,071	-0,34	0,40

Phương trình hiệu chuẩn/Calibration equation : $y = 1,0033x - 0,0119$

Phạm vi đo/Range: (0 ÷ 300)kN			
0	0,000	N/A	N/A
30	30,110	-0,37	0,70
60	60,224	-0,37	0,44
90	90,257	-0,28	0,40
120	120,262	-0,22	0,40
150	150,374	-0,25	0,40
180	180,342	-0,19	0,40
210	211,134	-0,54	0,40
240	240,169	-0,07	0,40
270	270,085	-0,03	0,40

Phương trình hiệu chuẩn/Calibration equation : $y = 1,0012x + 0,1295$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), kN

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.

The quantity values are calibrated as request of customer.

- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Name of customer is written as customer's request.

KV3



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22734

Tên phương tiện đo / Object : **CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE**
 Kiểu : HSW-15C Số hiệu : 20251014D22N00959 Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 15.000 g
 Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 25,0 g
 - Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division : 0,5 g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
 Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**
 Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019
 Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental conditions :
 - Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
 - Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH
 Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)
 - Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
 - Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 22734

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 10/12/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 10/12/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

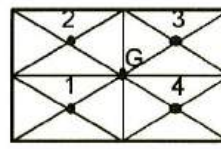
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22734
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability: P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,5	0,5	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22733

Tên phương tiện đo / Object : **CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE**
 Kiểu : HSW-15C Số hiệu : 20251014D22N00958 Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 15.000 g
 Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 25,0 g
 - Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division : 0,5 g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
 Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh
 PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nơi hiệu chuẩn : Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM
 Calibration Place

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019
 Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental conditions :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 22733

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 10/12/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 10/12/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

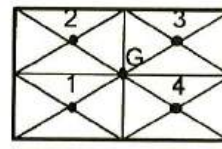
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22733
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,0	0,0	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 22735**

Tên phương tiện đo / Object : **CÂN ĐIỆN TỬ 1** ELECTRONIC BALANCE
 Kiểu : HSW-15C Số hiệu : 20251214D22N00128 Nơi sản xuất Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 15.000 g
 Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 25,0 g
 - Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division : 0,5 g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
 Customer XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental conditions :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 22735

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 10/12/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 10/12/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC

Vice Director



KT. Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

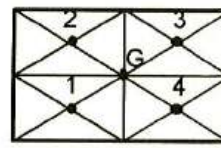
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22735
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability: P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,1443 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,40
1.000	1.000,0	0,0	0,40
2.000	2.000,0	0,0	0,40
5.000	5.000,0	0,0	0,40
10.000	10.000,5	0,5	0,40
15.000	15.000,5	0,5	0,40

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22100

Tên phương tiện đo / Object : CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE

Kiểu : HSW-15C Số hiệu : 20251008D22N00955 Nơi sản xuất : Đài Loan
Type Serial No Manufacturer Taiwan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 15.000 g
Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 25,0 g
- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division: 0,5 g

Khách hàng : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
Customer XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental conditio. :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23±28) °C
- Độ ẩm /Relative humidity : (30±80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31
- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 22100

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 10/10/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 10/10/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng



Ho Thi Hien

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

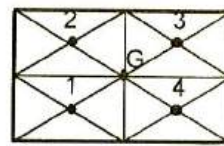
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22100
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability: P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,0	0,0	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20364

Tên phương tiện đo (Object): **CÂN ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC BALANCE**

Kiểu : UWA-N Số hiệu : 0763521 Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường : - Mức cân lớn nhất /Max capacity: 15.000 g
 Technical Specification - Mức cân nhỏ nhất /Min capacity: 25,0 g
 - Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division: 0,5 g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
 Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**
 Calibration Place 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : KV3/QTHC- KL01 : 2019
 Cân kỹ thuật và cân thông dụng - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường (Environmental conditions) :
 - Nhiệt độ (Ambient temperature) : (23÷28) °C
 - Độ ẩm (Relative humidity) : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng (Standards Used) : KV3-KL-(05;06;07;)
 - Liên kết chuẩn (Traceability) : SMEQ - ĐK 31
 - Hiệu lực (Due date) : 30/04/2025

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) : KV3 - 20364

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 23/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 23/04/2026
 Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 25 tháng 04 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

Date of issue
GIÁM ĐỐC
 Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

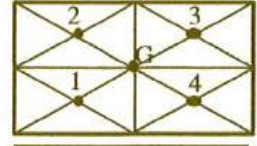
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20364
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại (Repeatability) : P=10000 g

Độ lệch chuẩn (Standard deviation) : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm (Eccentricity difference) :

Mức tải (Load) (g)	Vị trí đặt tải (Load position)	Sai lệch (Difference) (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn (Calibrated loads) :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,0	0,0	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21706

Tên phương tiện đo / Object :	CÂN ĐIỆN TỬ /		<i>ELECTRONIC BALANCE</i>
Kiểu : UWA-N	Số hiệu :	/	Nơi sản xuất Trung Quốc
Type	Serial No		Manufacturer China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường :	- Mức cân lớn nhất /Max capacity:	15.000	g
Technical Specification	- Mức cân nhỏ nhất /Min capacity:	25,0	g
	- Giá trị vạch chia nhỏ nhất /Division :	0,5	g

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- KL01 : 2019

Cân không tự động cấp chính xác 1,2,3 - Quy trình hiệu chuẩn

Điều kiện môi trường /Environmental condition :

- Nhiệt độ /Ambient temperature : (23÷28) °C

- Độ ẩm /Relative humidity : (30÷80) %RH

Chuẩn được sử dụng /Standards Used : KV3-KL-(01;02;03;04)

- Liên kết chuẩn /Traceability : SMEQ - ĐK 31

- Hiệu lực /Due date : 30/06/2026

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21706

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration : 12/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 12/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 13 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

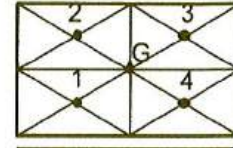
Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21706
(Attached to certificate No)

1. Độ lặp lại /Repeatability : P=10000 g

Độ lệch chuẩn /Standard deviation : S= 0,0000 g

2. Sai lệch do đặt tải lệch tâm /Eccentricity difference :

Mức tải Load (g)	Vị trí đặt tải Load position	Sai lệch Difference (g)
5.000	G	0,0
	1	0,0
	2	0,0
	3	0,0
	4	0,0



3. Các mức tải hiệu chuẩn /Calibrated loads :

Mức tải Load (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo Reading value on the object (g)	Sai số Error (g)	Độ không đảm bảo đo The uncertainty of measurement (g)
0	0,0	0,0	N/A
500	500,0	0,0	0,28
1.000	1.000,0	0,0	0,28
2.000	2.000,0	0,0	0,28
5.000	5.000,0	0,0	0,28
10.000	10.000,0	0,0	0,28
15.000	15.000,0	0,0	0,28

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20138

Tên phương tiện đo (Object):

THƯỚC CẶP
CALIPER SQUARE

Kiểu : IP54

Số hiệu : /

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range): (0÷150) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 0,01mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, Khu phố 41, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 119 : 2003

Thước cặp - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): CAL GROUP - ĐK 400

-Hiệu lực (Due date) : 10/06/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (25 ± 5) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity): (50 ± 15) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 20138

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

30/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

30/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 30 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

TP.HCM, Ngày 30 tháng 09 năm 2025
Date of issue
GIÁM ĐỐC

Director

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20138

(Attached to certificate No)

<i>Stt</i>	<i>Vị trí kiểm (Length test) (mm)</i>	<i>Giá trị đo được (Measurement) (mm)</i>	<i>Sai số (Error) (mm)</i>	<i>Độ không đảm bảo đo (The uncertainty of measurement) (mm)</i>
1	0	0,00	0,00	0,01
2	10	10,00	0,00	0,01
3	20	20,00	0,00	0,01
4	50	50,00	0,00	0,01
5	100	100,00	0,00	0,01
6	150	150,00	0,00	0,01

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%

(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level).



Ghi chú/Notes :

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
- **2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2**
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The quantity values are calibrated as request of customer.
- **Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.**
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.

Trang/*Page*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20025

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

0,075 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20025

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, **Hotline: 0904.690.567**, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20026

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa: 0,425 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20026

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20027

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 2,36 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20027

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20028

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

4,75 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20028

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20029

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 9,5 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20029

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20030

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

19 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20030

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20031

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

25 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20031

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20032

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

37,5 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20032

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): **KV3 - 20033**

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

0,14 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20033

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20034

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

0,63 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20034

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20035

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 1,25 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20035

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



H. Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, **Hotline: 0904.690.567**, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20036

Tên phương tiện đo (*Object*):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 2,5 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (*Method of inspection*):

Tham khảo/ *Referring to* ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (*Standards*):

Thước cặp / *Vernier Caliper* 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / *Microscope*

Bi thép chuẩn / *Marbles steel standards*

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (*Ambient temperature*):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (*Relative humidity*):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (*Results*): : Phù hợp yêu cầu theo/ *Comply with* ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (*Inspection Label*):

KV3 - 20036

Ngày đo, kiểm tra (*Date of inspection*):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (*Recommended inspection*):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): **KV3 - 20037**

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

5 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm
 Kính hiển vi công cụ / Microscope
 Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20037

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20038

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 10 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20038

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20039

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

20 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20039

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20040

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

0,315 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20040

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20041

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 50 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20041

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

20/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

20/08/2026

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20140

Tên phương tiện đo (Object):

THƯỚC VẠCH

LINE SCALES

Kiểu : /

Số hiệu : 00722058

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range): (0÷300) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 1mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, Khu phố 41, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

KV3/QTHC-ĐD06 : 2019

Thước vạch - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Thước vạch chuẩn (Standards Steel rule)

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 22/04/2027

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (25 ± 5) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity): (50 ± 10) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 20140

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

30/09/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration):

30/09/2026

TP.HCM, Ngày 30 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20140

(Attached to certificate No)

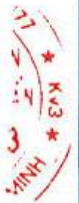
Stt	Vị trí kiểm, mm (Length test)	Giá trị chuẩn, mm (Reference Value)	Sai số, mm (Error)	Độ không đảm bảo đo, mm uncertainty
1	0	0	0	0,66
2	100	100	0	0,66
3	150	150	0	0,66
4	200	200	0	0,66
5	250	250	0	0,66
6	300	300	0	0,66

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%

(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level).

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thực pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cỡ số sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 20145

Tên phương tiện đo (Object): **THƯỚC CUỘN**
MEASURING TAPES

Kiểu : TMT11306 Số hiệu : / Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type *Serial No* *Manufacturer* *China*

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range) : (0÷30) m
Technical Specification -Vạch chia (Division) : 1mm

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**
Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3**
Calibration Place Số 14 Đường 11, Khu phố 41, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) : KV3/QTHC- DD08 : 2019
Thước cuộn - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Chuẩn sử dụng (Standards): Chuẩn Độ dài
Standards Used -Dẫn xuất chuẩn (Traceability): (Viện Đo lường Việt Nam)

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 :⁰C
Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity) : (50 :%RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Sai số/ Error : ± (0,6 + 0,4.L) mm; [L]: m

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) : KV3 - 20145

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 30/09/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration): 30/09/2026

TP.HCM, Ngày 30 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)
Số (No): KV3 - 21963

Tên phương tiện đo /Object: **THANH CHUẨN**
 Kiểu : Thanh Số hiệu : / Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo / range: 4,5 kg

Technical Specification

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
 Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện /Method of calibration: Đo trực tiếp/ Direct comparison

Chuẩn được sử dụng : - Cân điện tử
 Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03
 -Hiệu lực /Due date : 21/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : $(20 \pm 3) ^\circ\text{C}$
 Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : $(50 \pm 15) \%RH$

Kết quả/ Results : 4,5001 kg

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label): KV3 - 21963

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection): 15/08/2025

Ngày đo, kiểm tra lại theo yêu cầu của khách hàng : 15/08/2026

Reinspection Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 16 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director

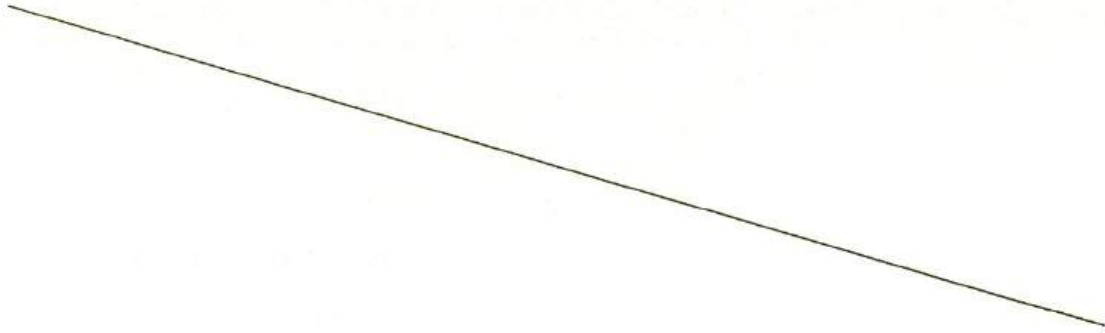


Hò Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION RESULTS)





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19896

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO

DIAL INDICATOR

Kiểu : /

Số hiệu :

760477

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19896

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

16/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

16/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Ho Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24314

Tên phương tiện đo /Object:		ĐỒNG HỒ SO DIAL INDICATOR	
Kiểu : / Type	Số hiệu : Serial No	8036280	Nơi sản xuất : Manufacturer Trung Quốc China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường: Technical Specification	-Phạm vi đo / range :	(0÷10) mm	
	-Vạch chia / Division :	0,01 mm	
Khách hàng : Customer	LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN		
Nơi hiệu chuẩn : Calibration Place	Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM PHÒNG THÍ NGHIỆM		
Phương pháp thực hiện /Method of calibration:	Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM		
Chuẩn được sử dụng : Standards Used	KV3/QTHC- ĐD03 : 2019 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn		
	-KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài/Length Standard		
	-Dẫn xuất chuẩn /Traceability:	Quatest 3 - ĐK03	
	-Hiệu lực /Due date :	21/04/2026	
Điều kiện môi trường : Environmental conditions	-Nhiệt độ /Ambient temperature :	(20 ± 3) °C	
	-Độ ẩm /Relative humidity :	(50 ± 15) %RH	
Kết quả/ Results :	Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 μm ĐKĐBĐ/ Uncertain : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)		
Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :	KV3 - 24314		
Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:	31/01/2026		
Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : Recalibration Date as Request of Customer	31/01/2027		

TP.HCM, Ngày 02 tháng 02 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

PHÓ GIÁM ĐỐC
 Phó Giám Đốc / Vice Director
Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)
 Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline : 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24314

Tên phương tiện đo /Object: **ĐỒNG HỒ SO**
DIAL INDICATOR

Kiểu : / Số hiệu : 8036280 Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo / range : (0÷10) mm
 Technical Specification -Vạch chia / Division : 0,01 mm

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
 Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**
 Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**
 Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- ĐD03 : 2019
 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài/Length Standard
 Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: Quatest 3 - ĐK03
 -Hiệu lực /Due date : 21/04/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (20 ± 3) °C
 Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 15) %RH

Kết quả/ Results : Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 μm
 ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label : KV3 - 24314

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration: 31/01/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 31/01/2027
 Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 02 tháng 02 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

TP.HCM, Ngày 02 tháng 02 năm 2026
 Date of issue
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director
KHU VỰC 3
 HO CHI MINH CITY
 HỒ THỊ HIỀN

Trang/Page
 1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 19438

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO

DIAL INDICATOR

Kiểu : Hiện số

Số hiệu :

/

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷12,7) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19438

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Họ Thị Hiền

Trang/Page

1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 19440

Tên phương tiện đo (Object):

**ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR**

Kiểu : IP54

Số hiệu :

/

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range): (0÷12,7) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 0,01 mm

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19440

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



KS. Thị Hiền

Trang/Page

1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19441

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : IP54

Số hiệu :

1824790

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷12,7) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertainty : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19441

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIAM ĐỐC

Director

Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 19442

Tên phương tiện đo (Object):

**ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR**

Kiểu : Hiện số
Type

Số hiệu :
Serial No

/

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷12,7) mm
-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard
-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03
-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C
-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 μm
ĐKĐBBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19442

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



KS. Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 19443

Tên phương tiện đo (Object):

**ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR**

Kiểu : Hiện số
Type

Số hiệu :
Serial No

/

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷12,7) mm
-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard
-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03
-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C
-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 µm
ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19443

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19444

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : Hiện số
Type

Số hiệu :
Serial No

/

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷12,7) mm
-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 μm
ĐKĐBĐ/ Uncertainty : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19444

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19445

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : Hiện số
Type

Số hiệu :
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷12,7) mm
-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) : Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 µm
ĐKĐBĐ/ Uncertain : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19445

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Ho Thi Hien

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvu3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19446

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : IP54

Số hiệu :

/

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷12,7) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19446

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 19447

Tên phương tiện đo (Object):

**ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR**

Kiểu : Hiện số
Type

Số hiệu :
Serial No

1626367

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷12,7) mm
-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19447

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

25/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

25/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19406

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO

DIAL INDICATOR

Kiểu : /

Số hiệu :

760416

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

205 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19406

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

10/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

10/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIAM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvu3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19407

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : /

Số hiệu :

760456

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

205 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19407

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) :

10/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

10/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang 1/ Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add: Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail: kiemdinhhkhuvu3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website: www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19408

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu: /

Số hiệu: /

760431

Nơi sản xuất: /

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range): (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 0,01 mm

Khách hàng:

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

205 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn:

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng:

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date):

21/04/2026

Điều kiện môi trường:

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity): (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results):

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19408

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

10/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng:

10/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhu vực3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19409

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO

DIAL INDICATOR

Kiểu : /

Số hiệu :

760462

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

205 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertainty : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19409

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

10/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

10/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19410

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : /

Số hiệu :

760447

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

205 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertainty : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19410

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

10/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

10/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 19411

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO

DIAL INDICATOR

Kiểu : /

Số hiệu :

760451

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

205 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19411

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) :

10/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

10/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19890

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO

DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058S-19

Số hiệu :

HGT169

Nơi sản xuất :

Mitutoyo-Nhật

Type

Serial No

Manufacturer

Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19890

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

16/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

16/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19891

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058S-19

Số hiệu :

HNX513

Nơi sản xuất :

Mitutoyo-Nhật

Type

Serial No

Manufacturer

Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19891

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

16/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

16/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19892

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058S-19

Số hiệu :

HCF385

Nơi sản xuất :

Mitutoyo-Nhật

Type

Serial No

Manufacturer

Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19892

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

16/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

16/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 19893

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO

DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058S-19

Số hiệu :

HCF322

Nơi sản xuất :

Mitutoyo-Nhật

Type

Serial No

Manufacturer

Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertainty : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19893

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

16/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

16/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIAM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19894

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO

DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058S-19

Số hiệu :

FRY576

Nơi sản xuất :

Mitutoyo-Nhật

Type

Serial No

Manufacturer

Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 19894

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

16/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

16/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19895

Tên phương tiện đo (Object):

THƯỚC CẶP
CALIPER SQUARE

Kiểu : Cơ

Số hiệu : /

Nơi sản xuất : Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range): (0÷1000) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 0,02mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 119 : 2003

Thước cặp - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): CAL GROUP - ĐK 400

-Hiệu lực (Due date) : 10/06/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 5) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19895

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

16/08/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

16/08/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 19895
(Attached to certificate No)

Stt	Vị trí kiểm (Length test) (mm)	Giá trị đo được (Measurement) (mm)	Sai số (Error) (mm)	Độ không đảm bảo đo (The uncertainty of measurement) (mm)
1	0	0,00	0,00	0,01
2	20	20,00	0,00	0,01
3	50	50,00	0,00	0,01
4	100	100,00	0,00	0,01
5	200	200,00	0,00	0,01
6	500	500,02	0,02	0,01

Độ không đảm bảo đo được tính với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level).



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cở sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 21801**

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058A-19
Type

Số hiệu :
Serial No

DGHR64

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Mitutoyo-Nhật
Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm
-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) : Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 μm
ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 21801

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



ĐIỂM ĐỐC
Director

Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21802

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058A-19
Type

Số hiệu :
Serial No

DGHR51

Nơi sản xuất : Mitutoyo-Nhật
Manufacturer Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm
-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 21802

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Kiều Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 21803

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO

DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058A-19

Số hiệu :

DGHR40

Nơi sản xuất :

Mitutoyo-Nhật

Type

Serial No

Manufacturer

Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 21803

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Đỗ Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21804

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058A-19
Type

Số hiệu :
Serial No

DGHR57

Nơi sản xuất : Mitutoyo-Nhật
Manufacturer Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm
-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) : Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 μm
ĐKĐBĐ/ Uncertain : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 21804

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21805

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058A-19

Số hiệu :

DGHR59

Nơi sản xuất :

Mitutoyo-Nhật

Type

Serial No

Manufacturer

Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 21805

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21806

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058A-19

Số hiệu :

DGHR55

Nơi sản xuất :

Mitutoyo-Nhật

Type

Serial No

Manufacturer

Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division): 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 21806

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21807

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058A-19
Type

Số hiệu :
Serial No

DGHR50

Nơi sản xuất : Mitutoyo-Nhật
Manufacturer Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm
-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 21807

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21808

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO

DIAL INDICATOR

Kiểu : 3058A-19

Số hiệu :

DGHR49

Nơi sản xuất :

Mitutoyo-Nhật

Type

Serial No

Manufacturer

Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷50) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

21/04/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±50 µm

ĐKĐBB/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label) :

KV3 - 21808

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) :

09/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

09/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 10 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/N⁰: ACB.25.067



Phương tiện đo/ <i>Object</i>	THƯỚC ĐO GÓC/ <i>PROTRACTOR</i>		
Kiểu/ <i>Type</i>	Không rõ/ <i>N/A</i>	Nơi sản xuất/ <i>Manufacturer</i>	Không rõ/ <i>N/A</i>
Số hiệu/ <i>Serial N⁰</i>	Không rõ/ <i>N/A</i>	Mã quản lý/ <i>ID</i>	Không rõ/ <i>N/A</i>
Đặc trưng kỹ thuật/ <i>Specification</i>	* Phạm vi đo/ <i>Range:</i> (0 ÷ 180) °; (0 ÷ 100) mm * Độ phân giải/ <i>Resolution:</i> 1 °; 1mm		
Khách hàng/ <i>Customer</i>	LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN Số 6 Đường 27, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Nơi thực hiện/ <i>Place</i>	Phòng Đo Lường Hiệu Chuẩn 354 Trường Chinh, Phường Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Phương pháp/ <i>Method</i>	ĐLMN/HC-ĐD08:2020 ĐLMN/HC-ĐD05:2024	Môi trường thực hiện/ <i>Environmental</i>	(25 ± 2) °C (60 ± 20) %RH
Chuẩn sử dụng/ <i>Standards used</i>	* Mã số/ <i>ID</i> * Mô tả/ <i>Description</i> * Liên kết/ <i>Traceability</i> * Hiệu lực/ <i>Due</i>		
	+ ĐD-18 + ĐD-02 + ĐD-03	+ Angle block + Line scale + Scale loupe	+ TT Đo Lường (ĐK 35) + VMI (ĐK 05) + QUATEST 3 (ĐK 03) + 09 / 2027 + 09 / 2027 + 09 / 2027
Hiệu chỉnh phương tiện đo/ <i>Adjustment</i>	Không/ <i>No</i>		
Kết quả/ <i>Results</i>	Trang/ <i>Page:</i> 2/2		
Tem hiệu chuẩn/ <i>Calibration label</i>	S25 – 78293		
Ngày hiệu chuẩn/ <i>Date of calibration</i>	03 / 11 / 2025		
Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ <i>Recal. recommended</i>	03 / 11 / 2026		

Ngày 05 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

PHẠM TÂN DŨNG

GIÁM ĐỐC
Director



NGUYỄN PHÚ HOA

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CERTIFICATE OF CALIBRATION



1. Thước vạch / Line scale:

Giá trị chỉ thị/ Indication Value (mm)	Giá trị chuẩn/ Reference Value (mm)	Sai số/ Error (mm)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (mm)
0	0,00	0,00	0,6
10	10,00	0,00	
20	20,00	0,00	
50	50,05	-0,05	
100	100,05	-0,05	

2. Thước đo góc / Protractor:

Giá trị chuẩn/ Reference Value (°)	Giá trị chỉ thị/ Indication Value (°)	Sai số/ Error (°)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (°)
0	0	0	0,5
30	30	0	0,5
45	45	0	0,5
60	60	0	0,5
90	90	0	0,5
180	180	0	0,5

Ghi chú / Notes

+ Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng/
The value is calibrated as the customer's requirement.

+ Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn/
The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions.

+ Độ KĐBĐ mở rộng - Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, tương ứng với mức tin cậy $P = 95\%$ / The reported expanded uncertainty of measurement is stated as standard uncertainty of measurement multiplied by coverage factor $k = 2$, which for a normal distribution corresponds to a probability of approximately 95%.

+ Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 / This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.

Số / N^o: ACB.25.067

Trang / Page 2 / 2

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số/ (N.º): ACB.25.066



Phương tiện đo/ <i>Object</i>	THƯỚC THÉP/ <i>STELL RULER</i>		
Kiểu/ <i>Type</i>	Không rõ/ <i>N/A</i>	Nơi sản xuất/ <i>Manufacturer</i>	CENTURY
Số hiệu/ <i>Serial N.º</i>	Không rõ/ <i>N/A</i>	Mã quản lý/ <i>ID</i>	Không rõ/ <i>N/A</i>
Đặc trưng kỹ thuật/ <i>Specification</i>	* Phạm vi đo/ <i>Range:</i>	(0 ÷ 1 000) mm	
	* Độ phân giải/ <i>Resolution:</i>	1 mm	
Khách hàng/ <i>Customer</i>	LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN Số 6 Đường 27, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Nơi thực hiện/ <i>Place</i>	Phòng Đo Lường Hiệu Chuẩn 354 Trường Chinh, Phường Đồng Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Phương pháp/ <i>Method</i>	ĐLMN/HC-ĐD05:2024	Môi trường thực hiện/ <i>Environmental</i>	(25 ± 2) °C (60 ± 20) %RH
Chuẩn sử dụng/ <i>Standards used</i>			
* Mã số/ <i>ID</i>	* Mô tả/ <i>Description</i>	* Liên kết/ <i>Traceability</i>	* Hiệu lực/ <i>Due</i>
+ ĐD-02	+ Line scale	+ VMI (ĐK 05)	+ 09/ 2027
+ ĐD-03	+ Scale loupe	+ QUATEST 3 (ĐK 03)	+ 09/ 2027
Hiệu chỉnh phương tiện đo/ <i>Adjustment</i>		Không/ <i>No</i>	
Kết quả/ <i>Results</i>		Trang/ <i>Page:</i> 2/2	
Tem hiệu chuẩn/ <i>Calibration label</i>		S25 – 78292	
Ngày hiệu chuẩn/ <i>Date of calibration</i>		03 / 11 / 2025	
Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ <i>Recal. recommended</i>		03 / 11 / 2026	

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

PHẠM TẤN DŨNG

Ngày 05 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director



NGUYỄN PHÚ HOA

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CERTIFICATE OF CALIBRATION



Giá trị chỉ thị/ Indication Value (mm)	Giá trị chuẩn/ Reference Value (mm)	Sai số/ Error (mm)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (mm)
0	0,00	0,00	0,9
10	9,95	0,05	
20	20,00	0,00	
50	50,00	0,00	
100	100,05	-0,05	
200	200,05	-0,05	
500	500,10	-0,10	
700	700,10	-0,10	
1 000	1 000,10	-0,10	

Ghi chú/ Notes

+ Giá trị được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng/
The value is calibrated as the customer's requirement.

The value is calibrated as the customer's requirement.

+ Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị ứng với các điều kiện hiệu chuẩn/
The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions.

The calibration results are only valid in respectively calibrated conditions.

+ Độ KĐBĐ mở rộng - Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, tương ứng với mức tin cậy $P = 95\%$ / *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as standard uncertainty of measurement multiplied by coverage factor $k = 2$, which for a normal distribution corresponds to a probability of approximately 95%.*

+ Phương tiện đo này không dùng để định lượng hàng hóa, dịch vụ mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, trong thanh tra kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác. Không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 / *This measuring equipment do not used for quantify goods, services in trading, payment, safety secure, public health protection, environmental protection, for inspection and examination, judicial expertise and for other mission activities. Not used directly to verify group 2 measuring instruments.*

---HẾT/ END---



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 22272

Tên phương tiện đo (Object):

CỜ LÊ LỰC

WRENCH FORCE

Kiểu : AQT-N6980

Số hiệu :

/

Nơi sản xuất :

Đài Loan

Type

Serial N°

Manufacturer

Taiwan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (Range):

(140÷980) N.m

Technical Specification

-Giá trị vạch chia (Division):

3,5 N.m

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

KV3/QTHC- L02 : 2019

Chuẩn được sử dụng :

-Dụng cụ đo ngẫu lực (Torque meter)

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability):

VILAS 036

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion): Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 22272

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

27/10/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration):

27/10/2026

TP.HCM, Ngày 28 tháng 10 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

KI. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 22272
(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester (N.m)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester (N.m)</i>	Sai số <i>Error(%)</i>
140	140,6	-0,4
280	281,4	-0,5
420	421,9	-0,5
560	562,4	-0,4
700	703,5	-0,5
840	843,9	-0,5
980	985,6	-0,6

Ghi chú/Notes :

- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The quantity values are calibrated as request of customer.
- **Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.**
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cỡ chữ sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21705

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR

Kiểu : /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷10) mm
-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :
Calibration Place

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) : 21/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 μm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 μm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 21705

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

12/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

12/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 13 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21704

Tên phương tiện đo /Object: **CÀN BENKELMAN**
BENKELMAN BEAM

Kiểu : / Số hiệu : / Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Serial No Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Tỷ lệ /Ratio : 2 / 1 (2 m / 1 m)
Technical Specification -Phạm vi đo đồng hồ /Measuring range : 10 mm
-Giá trị vạch chia /Division: 0,01 mm

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
Customer **XÂY DỰNG SÀI GÒN**
Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**
Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration : KV3/QTHC- ĐD01 : 2019
Cần Benkelman - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -KV3.ĐD05- Chuẩn Độ dài /Length Standard
Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: CAL GROUP - ĐK 400
-Hiệu lực /Due date : 10/06/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 5) °C
Environmental conditions -Độ ẩm /Relative humidity : (50 ± 15) %RH

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion : Sai số/Error : ± 1 % (Giá trị đọc/ of reading)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label : KV3 - 21704

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration: 12/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 12/09/2026
Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 13 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1 / 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20377

Tên phương tiện đo (Object):

MÁY ĐO ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT
EARTH RESISTANCE METER

Kiểu : 4235 ER
Type

Số hiệu : 1991958
Ser

Nơi sản xuất : SEW
Manufacturer

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range) : (0÷20);(0÷200);(0÷2000)Ω
-Vạch chia (Division) : 0,01; 0,1; 1 Ω

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nơi hiệu chuẩn :

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- Đ01 : 2019

Máy đo điện trở tiếp đất - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn (Standards): Hộp điện trở chuẩn
-Dẫn xuất chuẩn (Traceability) : TTTCĐLCL 2 - ĐK 38
-Hiệu lực (Due date) : 10/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (23 ± 5) °C
-Độ ẩm (Relative humidity) : < 80 %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 20377

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

22/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

22/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 23 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

[Signature]

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3.(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20377
(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on equipment</i> (Ω)	Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester</i> (Ω)	Sai số <i>Error</i> (Ω)	Độ KĐBĐ mở rộng <i>Expanded uncertainty</i> $k = 2; P = 95\%$
0,00	0,0	0,00	0,00
0,5	0,5	0,00	1,63
1	1,0	0,00	1,29
2	2,0	0,01	1,18
20	20,2	0,20	1,14
200	200,3	0,30	1,15
1000	1001,0	1,00	1,15

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 19430

Tên phương tiện đo (Object):

**ĐỒNG HỒ SO
DIAL INDICATOR**

Kiểu : /

Số hiệu :

8034953

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Phạm vi đo (range) : (0÷10) mm

Technical Specification

-Vạch chia (Division) : 0,01 mm

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

KV3/QTHC- ĐD03 : 2019

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-KV3.ĐD04- Chuẩn Độ dài/Length Standard

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability): Quatest 3 - ĐK03

-Hiệu lực (Due date) :

22/04/2025

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (20 ± 3) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 15) %RH

Kết quả (Results) :

Sai số tổng trên toàn thang đo/Total error on wide range : ±15 µm

ĐKĐBĐ/ Uncertaint : U = 6,22 µm (k=2, P ≈ 95 %)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 19430

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

10/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

10/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 21740**

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : Trụ đứng
Type

Số hiệu :
Serial N°

498-234

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Khả năng tạo lực tối đa / Capacity:

(0÷100) kN

Technical Specification

-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range:

(0 ÷ 600) kg/cm²

Pressure gauge

+ Giá trị vạch chia/Division:

10 kg/cm²

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn /Standards: **KV3.L01-Chuẩn lực/Force Standars**

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability:

VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực /Due date : **31/03/2025**

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature :

(23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 21740

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

17/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

17/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 19 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21740

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,0000	N/A
50	8,2491	2,00
100	16,7413	2,00
150	25,2335	2,00
200	33,7257	2,00
250	42,2179	2,00
300	50,7101	2,00
350	59,2023	2,00
400	67,6945	2,00
500	84,6790	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (*Calibration equation*)

$$y = 0,1696x - 0,1631$$

Với (*With*) y : Giá trị lực tính toán (*Force Calculated value*), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (*Pressure Reading value*), kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21964

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : Trụ đứng
Type

Số hiệu : 498-17
Serial N°

Nơi sản xuất : Nhật
Manufacturer Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0 ÷ 800) kN
-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 100) Mpa
Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 10 Mpa

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standards
-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường
-Hiệu lực /Due date : 30/09/2025

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 21964

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

27/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

27/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 29 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21964

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester ,Mpa</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
10	82,433	2,00
20	163,661	2,00
30	244,889	2,00
40	326,117	2,00
50	407,345	2,00
60	488,574	2,00
70	569,802	2,00
80	651,805	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 8,1391x + 0,4567$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value),



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 21502

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC

HYDRAULIC JACK

Kiểu : Trụ đứng
Type

Số hiệu :
Serial N°

498-2

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Nhật
Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Khả năng tạo lực tối đa / Capacity:

(0÷100) kN

-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range:

(0 ÷ 800) kg/cm²

Pressure gauge

+ Giá trị vạch chia/Division:

10 kg/cm²

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standards

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability :

VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực /Due date :

30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature :

(23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 21502

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

04/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

04/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 05 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

Date of issue
GIÁM ĐỐC

Director

**KV3
KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN
KHU VỰC 3**

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21502

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
100	15,083	2,00
150	22,014	2,00
200	28,444	2,00
250	36,174	2,00
300	42,979	2,00
350	49,810	2,00
400	57,064	2,00
500	71,930	2,00
600	86,034	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,1427x + 0,2789$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value), kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 21501**

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : MH-20

Số hiệu :

4988

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial N°

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

-Khả năng tạo lực tối đa / Capacity:

(0÷200) kN

Technical Specification

-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range:

(0 ÷ 60) Mpa

Pressure gauge

+ Giá trị vạch chia/Division:

1 Mpa

+ Số hiệu (Serial N°): 24041918061

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L01-Chuẩn lực/Force Standars

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability:

VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature :

(23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 21501

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

04/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

04/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 05 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21501

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , Mpa</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
5	11,635	2,00
10	23,609	2,00
15	35,313	2,00
20	47,820	2,00
25	59,621	2,00
30	71,827	2,00
35	84,827	2,00
40	96,343	2,00
50	121,100	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (*Calibration equation*)

$$y = 2,4265x - 0,5998$$

Với (*With*) y : Giá trị tính toán (*Calculated value*), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (*Pressure Reading value*), Mpa

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPDD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 24021

Tên phương tiện đo / Object: **KÍCH THỦY LỰC**
HYDRAULIC JACK

Kiểu : MH-20 Số hiệu : 814 Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Type Serial N° Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0÷200) kN
 Technical Specification -Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 600) kg/cm²
 Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 20 kg/cm²

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh
 Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**
 Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration : KV3/QTHC- L01 : 2019
 Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standards
 Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường
 -Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C
 Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label : KV3 - 24021

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration: 07/01/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 07/01/2027
 Recalibration Date as Request of Customer



TP.HCM, Ngày 08 tháng 01 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

Date of issue
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
 1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24021

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
100	20,209	2,00
200	39,270	2,00
300	60,922	2,00
400	79,192	2,00
500	99,262	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (*Calibration equation*)

$$y = 0,1989x + 0,0557$$

Với (*With*) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (*Pressure Reading value*), kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cỡ chữ sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 24022**

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : MH-20
 Type

Số hiệu : 498
 Serial N°

Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0 ÷ 200) kN

Technical Specification

-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 600) kg/cm²
 Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 20 kg/cm²

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration:

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standards

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 24022

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

29/01/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

29/01/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page
 1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24022
(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
100	25,125	2,00
200	47,817	2,00
300	70,122	2,00
400	93,807	2,00
500	114,307	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (*Calibration equation*)

$$y = 0,2311x + 0,4507$$

Với (*With*) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (*Pressure Reading value*),



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24059

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
50	5,525	2,00
100	11,563	2,00
150	17,662	2,00
200	23,415	2,00
250	28,835	2,00
300	34,916	2,00
350	40,592	2,00
400	46,660	2,00
500	58,234	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,1166x - 0,0775$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value), kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cỡ chữ sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Địa chỉ (Add) : Số 63/44/14 Đường số 8, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
 VPĐD : Số 8 Đường số 2, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
 G-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): **KV3 - 24400**

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : MH-20
 Type

Số hiệu : 498-18
 Serial N^o

Nơi sản xuất : Trung Quốc
 Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0÷200) kN

Technical Specification -Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 600) kg/cm²
 Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 10 kg/cm²

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM
PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nơi hiệu chuẩn :

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
 Standards Used

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standards

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 24400

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

04/02/2026

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

04/02/2027

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 06 tháng 02 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC / Vice Director
Hồ Thị Hiền

Trang/Page
 1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 24400
(Attached to certificate No)

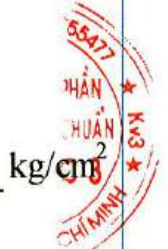
Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
50	12,922	2,00
100	23,937	2,00
150	34,953	2,00
200	45,969	2,00
250	56,984	2,00
300	68,000	2,00
350	79,016	2,00
400	90,810	2,00
500	113,361	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,2243x + 1,0057$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value), kg/cm²



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 19429

Tên phương tiện đo / Object: KÍCH THỦY LỰC HYDRAULIC JACK
Kiểu / Type: Số hiệu / Serial N°: 498-16 Nơi sản xuất / Manufacturer: Trung Quốc / China
Đặc trưng kỹ thuật đo lường / Technical Specification: -Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0÷300) kN
-Đồng hồ áp suất / Pressure gauge: + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 600) kg/cm²
+ Giá trị vạch chia / Division: 10 kg/cm²
Khách hàng / Customer: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM
Nơi hiệu chuẩn / Calibration Place: PHÒNG THÍ NGHIỆM
Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Phương pháp thực hiện / Method of calibration: KV3/QTHC- L01 : 2019
Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn
Chuẩn được sử dụng / Standards Used: -Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standars
-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường
-Hiệu lực /Due date: 30/09/2026
Điều kiện môi trường / Environmental conditions: -Nhiệt độ /Ambient temperature: (23 ± 5) °C
Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion): Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2
Tem hiệu chuẩn / Calibration Label : KV3 - 19429
Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration: 10/04/2025
Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 10/04/2026
Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC
Director

Thị Hiền

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 19429

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn	Độ không đảm bảo đo mở rộng
<i>Reading on tester , kg/cm²</i>	<i>Reading on tester , kN</i>	<i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
100	47,187	2,00
150	71,854	2,00
200	96,637	2,00
250	119,807	2,00
300	143,774	2,00
350	167,809	2,00
400	190,307	2,00
450	213,852	2,00
500	238,581	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,4764x + 0,3629$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value), kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số (No): KV3 - 20757

Tên phương tiện đo / Object: **KÍCH THỦY LỰC**
HYDRAULIC JACK

Kiểu : Trụ đứng Số hiệu : 262-1 Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Serial N° Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0÷300) kN
Technical Specification -Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 600) kg/cm²
Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 10 kg/cm²

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
XÂY DỰNG SÀI GÒN
Customer Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**
Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration : KV3/QTHC- L01 : 2019
Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standards
Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường
-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C
Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label : KV3 - 20757

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration: 04/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 04/06/2026
Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 05 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20757

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
50	22,870	2,00
100	44,362	2,00
150	66,337	2,00
200	90,361	2,00
250	114,056	2,00
300	137,351	2,00
350	160,600	2,00
400	182,825	2,00
500	228,699	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,4593x - 0,8895$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value), kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 21503

Tên phương tiện đo (Object):

VÒNG LỰC

RING FORCE

Kiểu : NÉN

Số hiệu :

A9409

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Phạm vi đo (range) :

(0÷50) kN

Technical Specification

-Đồng hồ so :

+ Phạm vi đo/Range:

10 mm

Dial indicator

+ Giá trị vạch chia/Division:

0,01 mm

Khách hàng :

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of calibration) :

ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn (Standards): KV3.L03-Chuẩn lực/Force Standars

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability):

VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực (Due date) :

30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 21503

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

04/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

04/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 05 tháng 09 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21503

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester (vạch / 0,01mm)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment (kN)</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,0000	0,00
25	5,4147	1,00
50	10,7195	1,00
75	16,0124	1,00
100	21,1537	1,00
125	26,2173	1,00
150	31,1416	1,00
175	35,7120	1,00
200	40,1254	1,00

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 0,2056x$$

Với (With) y : Giá trị tính toán (Calculated value), kN

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), Vạch / 0,01 mm



Ghi chú/Notes :

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The quantity values are calibrated as request of customer.
- **Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.**
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cỡ số sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21352

Tên phương tiện đo (Object):

ĐỒNG HỒ ĐO ĐỘ CỨNG
DUROMETER

Kiểu : HS-D
Type

Số hiệu : 49085981
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo (range):
-Vạch chia (Division):

(0÷100) Vạch
1 Vạch

Cơ sở sử dụng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG ĐO LƯỜNG - ZONE 3

Calibration Place

Số 14 Đường 11, Khu phố 41, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

JIS S 6050:2002

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn (Standards): KV3.L01-Chuẩn lực

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn (Traceability):

VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực (Due date): 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(60 ± 2) %RH

Kết quả hiệu chuẩn (Conclusion):

Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn (Calibration Label):

KV3 - 21352

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration):

07/08/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recommended recalibration):

07/08/2026

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



[Signature]
HỒ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
của phòng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be
reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21352
(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester(Vạch)</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Average reading on equipment (N)</i>	Độ KĐBĐ mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	0,00
10	1,374	0,81
20	2,100	0,60
30	2,827	0,51
40	3,553	0,46
50	4,280	0,43
60	5,006	0,42
70	5,733	0,40
80	6,459	0,40
90	7,185	0,39

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation)

$$y = 0,0829x$$

Với (With)

y : Giá trị tính toán (Calculated value), N

x : Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading value), Vạch



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.

Trang/Page

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20680

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

2,5 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20680

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20681

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

1,25 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20681

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20682

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

0,63 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20682

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20683

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 0,315 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20683

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20684

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

0,14 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20684

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20685

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

20 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20685

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20686

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 10 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20686

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20687

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 5 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label): KV3 - 20687

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection): 03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection): 03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN
 KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
 (INSPECTION CERTIFICATE)**

Số (No): KV3 - 20688

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

0,425 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
 XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20688

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Ho Thi Hien

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20689

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 2,36 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20689

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20690

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM
TEST SIEVES

Kiểu / Type	Số hiệu : / Serial No	Nơi sản xuất : Manufacturer	Trung Quốc China
----------------	--------------------------	--------------------------------	---------------------

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: Technical Specification	Kích thước lỗ danh nghĩa: Nominal sizes of openings	0,075 mm
---	--	----------

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection): Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng : -Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

- Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm
- Kính hiển vi công cụ / Microscope
- Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C

Environmental conditions -Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label): KV3 - 20690

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection): 03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection): 03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20691

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THŨ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

1,75 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label) :

KV3 - 20691

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20692

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 9,5 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):
Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm
Kính hiển vi công cụ / Microscope
Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C
-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20692

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20693

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

37,5 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20693

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN
 KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
 (INSPECTION CERTIFICATE)**

Số (No): KV3 - 20694

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

25 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
 XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20694

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN
 KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
 (INSPECTION CERTIFICATE)**

Số (No): KV3 - 20695

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa: 19 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
 XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20695

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

03/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

03/06/2026

TP.HCM, Ngày 04 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20787

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /

Số hiệu : /

Nơi sản xuất :

Trung Quốc

Type

Serial No

Manufacturer

China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

2,36 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20787

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20788

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

2,5 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20788

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20789

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

5 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20789

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20790

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

10 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20790

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20791

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

0,14 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20791

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20792

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

0,315 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label) :

KV3 - 20792

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20793

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

0,075 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20793

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20794

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 2 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20794

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)**

Số (No): KV3 - 20795

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

0,425 mm

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20795

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20796

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 10 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):
Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm
Kính hiển vi công cụ / Microscope
Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature): (25 ± 2) °C
-Độ ẩm (Relative humidity): (50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20796

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20797

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

9,5 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20797

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20798

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

4,75 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20798

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN
 KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
 (INSPECTION CERTIFICATE)**

Số (No): KV3 - 20799

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 37,5 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
 XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) : Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):
Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm
Kính hiển vi công cụ / Microscope
Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$
-Độ ẩm (Relative humidity) : $(50 \pm 10) \%RH$

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20799

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20800

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

25 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20800

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hà Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20639

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

20 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20639

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20640

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

0,63 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20640

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20641

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

1,25 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20641

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

11/06/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

11/06/2026

TP.HCM, Ngày 12 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)**

Số (No): KV3 - 19815

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

37,5 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19815

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19816

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM
TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 25 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19816

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)**

Số (No): KV3 - 19817

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 19 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19817

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19818

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa: 9,5 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19818

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19819

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

4,75 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19819

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19820

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

2,36 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19820

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19821

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

0,425 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label) :

KV3 - 19821

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19822

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

0,075 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label): KV3 - 19822

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection): 01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection): 01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng



Trang/Pgge

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19823

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

20 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label) :

KV3 - 19823

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection) :

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection) :

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19824

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

10 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label) :

KV3 - 19824

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection) :

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection) :

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19825

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

5 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19825

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19826

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 2,5 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19826

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hò Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)**

Số (No): KV3 - 19827

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

1,25 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label) :

KV3 - 19827

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19828

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM
TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

0,63 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19828

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
 Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC
 Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19829

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 0,315 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19829

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Ho Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 19830

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

0,14 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 19830

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

01/07/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

01/07/2026

TP.HCM, Ngày 02 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20013

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

20 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection) :

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature) :

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity) :

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label) :

KV3 - 20013

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection) :

16/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection) :

16/08/2026

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20014

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM
TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 10 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):
Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm
Kính hiển vi công cụ / Microscope
Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature) : (25 ± 2) °C
-Độ ẩm (Relative humidity) : (50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20014

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

16/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

16/08/2026

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC
Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20015

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa: 5 mm
Nominal sizes of openings

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20015

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

16/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

16/08/2026

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20016

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

2,5 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20016

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

16/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

16/08/2026

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20017

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

Kích thước lỗ danh nghĩa:
Nominal sizes of openings

1,25 mm

Khách hàng :
Customer

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20017

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

16/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

16/08/2026

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20018

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

0,63 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results) : : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20018

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

16/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

16/08/2026

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20019

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

0,315 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20019

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

16/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

16/08/2026

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC

Director

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3
ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdingkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA
(INSPECTION CERTIFICATE)

Số (No): KV3 - 20020

Tên phương tiện đo (Object):

SÀNG THỬ NGHIỆM

TEST SIEVES

Kiểu /
Type

Số hiệu : /
Serial No

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Kích thước lỗ danh nghĩa:

0,14 mm

Technical Specification

Nominal sizes of openings

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of inspection):

Tham khảo/ Referring to ASTM E 11 - 13

Chuẩn được sử dụng :

-Chuẩn sử dụng (Standards):

Standards Used

Thước cặp / Vernier Caliper 0,01 mm

Kính hiển vi công cụ / Microscope

Bi thép chuẩn / Marbles steel standards

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ (Ambient temperature):

(25 ± 2) °C

Environmental conditions

-Độ ẩm (Relative humidity):

(50 ± 10) %RH

Kết quả (Results): : Phù hợp yêu cầu theo/ Comply with ASTM E11-13

Tem đo, kiểm tra (Inspection Label):

KV3 - 20020

Ngày đo, kiểm tra (Date of inspection):

16/08/2025

Ngày đo, kiểm tra đề nghị (Recommended inspection):

16/08/2026

TP.HCM, Ngày 18 tháng 08 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Trang/Page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số (No): KV3 - 20722

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : Trụ đứng
Type

Số hiệu : 498-18
Serial N°

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0÷500) kN
-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 1000) kg/cm²
Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 20 kg/cm²

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standars
-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường
-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 20722

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

04/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

04/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 05 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3.(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20722

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
100	62,429	2,00
200	126,788	2,00
300	191,147	2,00
400	255,506	2,00
500	319,866	2,00
600	384,225	2,00
700	448,584	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,641x - 0,6143$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value),



kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The quantity values are calibrated as request of customer.
- **Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.**
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cỡ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 41, Phường Linh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 21630

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : Trụ đứng
Type

Số hiệu : 498-234
Serial N°

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0÷100) kN

Technical Specification -Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 600) kg/cm²
Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 10 kg/cm²

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG**
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration : KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L01-Chuẩn lực/Force Standars

Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label : KV3 - 21630

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration: 10/09/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 10/09/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 09 năm 2026

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Thị Hiền

Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 21630

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,0000	N/A
50	8,2478	2,00
100	16,7400	2,00
150	25,2323	2,00
200	33,7245	2,00
250	42,2167	2,00
300	50,7089	2,00
350	59,2011	2,00
400	67,6933	2,00
500	84,6777	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (*Calibration equation*)

$$y = 0,1696x - 0,164$$

Với (*With*) y : Giá trị lực tính toán (*Force Calculated value*), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (*Pressure Reading value*), kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The quantity values are calibrated as request of customer.
- **Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.**
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20399

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : Trụ đứng
Type

Số hiệu :
Serial N°

498-2

Nơi sản xuất :
Manufacturer

Trung Quốc
China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Khả năng tạo lực tối đa / Capacity:

(0÷300) kN

-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range:

(0 ÷ 600) kg/cm²

Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 10 kg/cm²

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standars

Standards Used

-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường

-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 20399

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

23/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

23/04/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 24 tháng 04 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

[Signature]

KS.Đặng Quốc Dũng

TP.HCM, Ngày 24 tháng 04 năm 2025
Date of issue
GIÁM ĐỐC
Director
[Stamp and Signature]

Hồ Thị Hiền

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20399

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
50	18,111	2,21
100	40,724	2,00
150	64,308	2,00
200	87,612	2,00
250	111,237	2,00
300	134,858	2,00
400	180,287	2,00
500	224,858	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,4543x - 2,3885$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value), kg/cm²



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvu3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số (No): KV3 - 20719

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : Trụ đứng
Type

Số hiệu : 498-16
Serial N°

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0÷300) kN
-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 600) kg/cm²
Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 10 kg/cm²

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standards
-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường
-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 20719

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

04/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

04/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 05 tháng 06 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC
Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Page
1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20719
(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty</i> <i>k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
50	24,715	2,00
100	48,217	2,00
150	71,719	2,00
200	95,221	2,00
250	118,724	2,00
300	142,226	2,00
400	189,230	2,00
500	236,235	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,4719x + 0,6116$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value),

kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20883

Tên phương tiện đo / Object:

KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK

Kiểu : Trụ đứng
Type

Số hiệu : 498-17
Serial N°

Nơi sản xuất : Nhật
Manufacturer Japan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0÷500) kN
-Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 1000) kg/cm²
Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 20 kg/cm²

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration :

KV3/QTHC- L01 : 2019

Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standars
-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: VMI - Viện đo lường
-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label :

KV3 - 20883

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration:

18/06/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

18/06/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 19 tháng 06 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3

KHU VỰC 3

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Hiền

Trang/Page

1 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20883

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo <i>Reading on tester , kg/cm²</i>	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn <i>Reading on tester , kN</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
100	44,199	2,00
200	93,938	2,00
300	147,234	2,00
400	203,513	2,00
500	253,325	2,00
600	304,137	2,00
700	354,948	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (*Calibration equation*)

$$y = 0,5114x - 3,3878$$

Với (*With*) y : Giá trị lực tính toán (*Force Calculated value*), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (*Pressure Reading value*), kg/cm²

kg/cm²



Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.